

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI THEO TÊN KINH



Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	7
1 GANAKA MOGGALLANA - 107 Trung III, 107.....	12
2 GANH TỊ - Tăng II, 536.....	24
3 GAVESÌ NGƯỜI TÂM CẦU - Tăng II, 657.	26
4 GHATIKARA - 81 Trung II, 479.....	33
5 GHOTAMUKHA - 94 Trung II, 703	51
6 GIA CHỦ - Tăng II, 651	61
7 GIA ĐÌNH - Tăng II, 702.....	67
8 GIA ĐÌNH - Tăng III, 287.....	69
9 GIA ĐÌNH - Tăng IV, 117	70
10 GIRIMÀNANDA - Tăng IV, 384	72
11 GIÁC CHI - Tăng II, 267	79
12 GIÁC CHI - Tăng III, 310.....	81
13 GIÁC CHI - Tăng IV, 529.....	83

14	GIÁC NGỘ - Tăng I, 549	85
15	GIÁO GIỚI CHANNA - 144 Trung III, 593	87
16	GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC - 143 Trung III, 581	93
17	GIÁO GIỚI LAHÀULA - 147 Trung III, 623	103
18	GIÁO GIỚI LAHÀULA Ở RỪNG AMBÀLA - 61 Trung II, 171	108
19	GIÁO GIỚI LAHÀULA - 62 Trung II, 183	120
20	GIÁO GIỚI NANDAKA - 146 Trung III, 609	130
21	GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA - 145 Trung III, 601	142
22	GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT - 31 Trường II, 529.....	148
23	GIÚP ĐỠ NHIỀU - Tăng II, 735	169
24	GIẢI THOÁT CẢ HAI PHẦN - Tăng IV, 219	170
25	GIẢI THOÁT XỨ - Tăng II, 335	172

26	GIẶC CUỐP - Tăng I, 274.....	177
27	GIỚI - Tăng II, 492.....	180
28	GIỚI - Tăng II, 526.....	182
29	GIỚI PHÂN BIỆT - 140 Trung III, 541.....	183
30	GOPAKA MOGGALLANA - 108 Trung III, 119.....	200
31	GULISSANI - 69 Trung II, 281	214
32	Gaggarà - Tương I, 429	222
33	Gavampati - Tương V, 634.....	224
34	Ghatikara - Tương I, 138	226
35	Ghosita - Tương IV, 195	230
36	Gia Phụ hay Say Đắm - Tương I, 442	232
37	Gia Tộc - Tương IV, 505	234
38	Gia Đình - Tương II, 461	239
39	Giai Cấp Sát Đế Ly - Tương I, 21	241
40	Gian Phụ bị Lột Da - Tương II, 454	242
41	Già - Tương I, 83	243

42	Già - Tương V, 338.....	244
43	Giàu Lớn - Tương I, 41.....	246
44	Giác - Tương V, 132.....	247
45	Giác Chi - Tương IV, 562.....	249
46	Giác Chi - Tương V, 465.....	251
47	Giáo Giới - Tương II, 351	253
48	Giáo Giới - Tương II, 354	257
49	Giáo Giới - Tương II, 359	263
50	Gió - Tương III, 349	267
51	Giường Nằm - Tương V, 681	271
52	Giải Thoát - Tương I, 10.....	273
53	Giải Thoát - Tương III, 295.....	274
54	Giải Thoát - Tương III, 296.....	276
55	Giải Thoát - Tương IV, 574.....	278
56	Giảng Đường Bằng Gạch - Tương V, 524 ...	280
57	Giới - Tương II, 245	287
58	Giới - Tương II, 251	289

59	Giới - Tương II, 434	290
60	Giới - Tương V, 106	292
61	Giới - Tương V, 268	298
62	Giữa Trưa Hay Tiếng Động - Tương I, 447	300
63	Godatta - Tương IV, 464	301
64	Godhika - Tương I, 267	305
65	Godhà hay Mahànàma - Tương V, 543	310
66	Gotamì - Tương I, 286	315
67	GÒ MỐI - 23 Trung I, 323	317
68	Gà Heo - Tương V, 683	323
69	Gánh Nặng - Tương III, 53	325
70	Giới Hạnh 2 - Tương V, 51	328
71	GÂY THÚC NGỰA - Tăng II, 31	330
72	GẮN LIỀN CỘT CHẶT - Tăng II, 113	336
73	GÓC RỄ CỦA ĐÁU TRANH - Tăng III, 88	339
74	Gốc - Tương II, 417	342

75 Góc Rễ - Tương V, 67343

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 GANAKA MOGGALLANA - 107

Trung III, 107

KINH GANAKA MOGGALLANA (**Ganaka Moggallana sutta**)

– Bài kinh số 107 – Trung III, 107

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Pubbarama, nơi lâu đài của Migaramatu (Đông Viên Lộc Mẫu Giảng đường). Rồi Bà-la-môn Gananka Moggallana đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migaramatu này, có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là những tầng cấp của lâu thượng cuối cùng.
- Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần

tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi (các tập Veda).

- Thừa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bần cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bần cung.
- Cũng vậy, Thừa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thừa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: "Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần". Và thừa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.
- *Có thể trình bày chăng, thừa Tôn giả Gotama, trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?*
- *Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ.*

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện

ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác.

Cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy giữ giới hạnh**, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới"*.

Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy hộ trì các căn**, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng.... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị.. thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến*

tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau:

*"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".*

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy chú tâm cảnh giác!** Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi*

đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp".

Này, Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau: **"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".**

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: **"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm".** Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt:

- Vị ấy **từ bỏ tham ái ở đời**, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.

- *Từ bỏ sân hận*, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- *Từ bỏ hôn trầm thụy miên*, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- *Từ bỏ trạo cử hối tiếc*, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc.
- *Từ bỏ nghi ngờ*, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.

Sau khi **đoạn trừ năm triền cái** ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt:

- Vị ấy *ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất*, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.
- Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả

niệm lạc trú, chúng và trú Thiền thứ ba.

- Xả lạc, xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiền thứ tư, không khô, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

☞ Đây Bà-la-môn, đối với những **Tỷ-kheo nào là bậc hữu học**, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.

☞ Còn đối với những vị **Tỷ-kheo là bậc A-la-hán**, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

– Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được?

– Đây Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chúng

được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được.

– *Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?*

– Này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Rajagaha (Vương Xá)?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rajagaha.

– Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người, muốn đi đến Rajagaha, người này đến Ông và nói như sau: "*Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rajagaha*". Ông nói với người ấy như sau: "*Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi*

trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu". Dầu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rajagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi". Rồi Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu". Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rajagaha một cách an toàn.

– Nay Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rajagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rajagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rajagaha một cách an toàn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.

– Cũng vậy, nay Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, nay Bà-la-môn, **Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.**

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggalana bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thẳng bằng, cao mạn, dao

động, nói phô tạp nhập, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngọng; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhập, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đầu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhứt tâm, có trí tuệ, không câm ngọng; Tôn giả Gotama sống (hòa hợp) với những vị ấy.

Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng. Cũng vậy là **lời khuyên giáo của Tôn giả Gotama được**

**xem là cao nhất trong những lời khuyên giáo huấn
nay.**

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

2 GANH TỊ - Tăng II, 536

GANH TỊ – Tăng II, 536

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Ganh tị;
- Xan tham;
- Bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

4. Thế nào là năm?

- Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán;

- Có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán;
- Không có ganh tị;
- Không có xan tham;
- Không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

3 GAVESÌ NGƯỜI TÂM CẦU - Tăng II, 657

GAVESÌ NGƯỜI TÂM CẦU – Tăng II, 657

1. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đang đi trên đường, Thế Tôn thấy một chỗ có khóm rừng cây sàla to lớn; thấy vậy, Ngài bước xuống đường, đi đến khóm rừng cây sàla ấy, đi sâu vào rừng sàla ấy, và tại một địa điểm, Ngài mỉm cười.

Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn tỏ lộ mỉm cười? Không phải không có duyên cớ, các Như Lai tỏ lộ mỉm cười". Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn tỏ lộ mỉm cười? Không phải không có duyên cớ, các Như Lai tỏ lộ mỉm cười.

2. - Thuở xưa, này Ānanda, tại địa điểm này, có một thành phố phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Tại thành phố ấy, này Ānanda, **Thế Tôn Kassapa**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở gần đây.

Này Ànanda, **Gavesi** là một nam cư sĩ của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhưng giữ giới không được viên mãn.

Rồi này Ànanda, có khoảng 500 nam cư sĩ được cư sĩ Gavesi thuyết pháp và khích lệ, các người này giữ giới luật không được viên mãn.

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: *"Ta giúp đỡ rất nhiều 500 vị nam cư sĩ này. Ta đi trước, ta khích lệ họ, nhưng ta giữ giới luật không được viên mãn. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì tội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì tội hơn, nhiều hơn"*. Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi đi đến 500 nam cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với 500 nam cư sĩ ấy như sau: *"Này các Tôn giả, bắt đầu từ hôm nay, ta sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật"*.

Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: *"Tôn giả Gavesi đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước, đã khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesi sẽ gìn giữ viên mãn trong các giới luật. Tại sao chúng ta lại không như vậy?"*. Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesi; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesi: *"Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesi, chúng tôi sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật"*.

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ rất nhiều cho 500 nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Và năm trăm nam cư sĩ này gìn giữ viên mãn trong các giới luật, như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì trội hơn, nhiều hơn". Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi đi đến 500 nam cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với 500 vị nam cư sĩ ấy như sau: *"Bắt đầu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ thọ trì Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt"*.

Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesi giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Và Tôn giả Gavesi sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Tại sao chúng ta lại không như vậy?". Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesi; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesi: *"Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesi, chúng tôi sẽ thọ trì Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt"*.

Rồi nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ rất nhiều cho 500 nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Ta giữ gìn viên mãn trong các giới luật, 500 nam cư sĩ này giữ gìn viên mãn trong các giới luật. Và ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Và 500 nam cư sĩ này hành Phạm hạnh, sống

viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì trội hơn, nhiều hơn". Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi đi đến 500 nam cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với 500 vị nam cư sĩ ấy như sau: *"Bắt đầu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời"*.

Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesi giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesi sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ phi thời. Tại sao chúng ta lại không như vậy?". Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesi; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesi: *"Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesi, 500 nam cư sĩ này sẽ thọ trì ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời"*.

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ cho 500 nam cư sĩ này rất nhiều. Ta đã đi trước và khích lệ họ. Nay ta giữ gìn viên mãn trong các giới luật, 500 nam cư sĩ này giữ gìn viên mãn trong các giới luật. Ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ, 500 nam cư sĩ này hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Ta ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn

phi thời. 500 nam cư sĩ này cũng ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì trội hơn, nhiều hơn". Rồi này Ànanda, Tôn giả Gavesi đi đến Thế Tôn Kassapa; bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đến, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

- Bạch Thế Tôn, hãy cho con xuất gia với Thế Tôn, hãy cho con thọ đại giới".

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Được thọ đại giới không bao lâu này Ànanda, Tỷ-kheo Gavesi sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị này ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú. Và vị ấy xác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các điều nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Và này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo Gavesi giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi

trước và khích lệ chúng ta. Nay Tôn giả Gavesi đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tại sao chúng ta không như vậy?" Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đến, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

- "*Bạch Thế Tôn, hãy cho chúng con xuất gia với Thế Tôn, cho chúng con thọ đại giới*".

Và này Ànanda, năm trăm nam cư sĩ ấy được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi này Ànanda, Tỷ-kheo Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta đã chứng được vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức. Mong rằng 500 vị Tỷ-kheo ấy có thể chứng được vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức".

Rồi này Ànanda, 500 vị Tỷ-kheo ấy sống an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, không bao lâu, các vị ấy chứng được mục đích tối cao mà các thiện gia nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, các vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú. Và các vị ấy

xác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

3. Như vậy, này Ànanda, 500 vị Tỷ-kheo ấy, do Gavesi cầm đầu, trong khi tinh tấn đạt đến những gì cao hơn nữa, những gì tối thắng hơn nữa, đã chứng ngộ vô thượng giải thoát. Do vậy, này Ànanda, cần phải học tập như sau:

4. "Hãy tinh tấn để đạt đến những gì cao hơn nữa, tối thắng hơn nữa, chúng ta sẽ chứng ngộ vô thượng giải thoát".

Như vậy, này Ànanda, các Thầy cần phải học tập.

4 GHATIKARA - 81 Trung II, 479

KINH GHATIKARA

– Bài kinh số 81 – Trung II, 479

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn đi du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn bước xuống bên lề đường, đến tại một địa điểm rồi mỉm cười. Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười". Rồi Tôn giả Ananda đáp y về phía một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì. Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười.

– Thuở xưa này Ananda, tại địa điểm này là một thị trấn tên là Vebhalinga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Đây Ananda, **Thế Tôn Kassapa**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sống ở đây, dựa vào thị

trần Vebhalinga. Ở đây, này Ananda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ananda. Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

Rồi Tôn giả Ananda gấp tư y sanghati (tăng-già-lê), trải ra rồi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thỉnh Thế Tôn ngồi xuống. Chính tại địa điểm này, hai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sẽ sử dụng.

Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Thuở xưa, này Ananda, tại địa điểm này là thị trấn tên Vebhalinga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã sống dựa vào thị trấn Vebhalinga. Chính tại đây, này Ananda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

Này Ananda, chính tại thị trấn Vebhalinga, có người thợ làm đồ gốm tên là Ghatikara, người này

là người đàn tín của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, vị đàn tín đệ nhất. Thanh niên Jotipala là người bạn chí thân của thợ gốm Ghatikara. Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác ấy".

Khi nghe nói vậy, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ananda... (như trên)... Lần thứ ba, này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác ấy".

Lần thứ ba này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi bạn Ghatikara yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

"– Vậy này bạn Jotipala, hãy cầm đồ gãi lưng và bột tắm, chúng ta hãy đi đến sông để tắm".

"– Thưa bạn, vâng".

Này Ananda, thanh niên Jotipala vâng đáp thợ gốm Ghatikara như vậy.

Thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala lấy đồ gãi lưng và bột tắm, đi đến sông để tắm. Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Khi nghe nói vậy, này Ananda, thanh niên

Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ananda, ... (như trên)... lần thứ ba này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Lần thứ ba, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara **nắm lấy thanh niên Jotipala ở nơi cổ tay áo và nói:**

"– Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không

bao xa. Nay bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Rồi này Ananda, sau khi gỡ thoát cổ áo, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến vị Samôn đầu trọc ấy để làm gì?

Rồi thợ gốm Ghatikara nắm lấy tóc vừa mới tắm xong của thanh niên Jotipala và nói:

"– Nay bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Nay bạn Jotipala chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Rồi này Ananda, thanh niên Jotipala suy nghĩ như sau: "Thật là vi diệu! Thật là hy hữu! Thợ gốm Ghatikara tuy sanh thuộc hạ cấp, lại dám nghĩ có thể nắm lấy tóc của ta, dầu ta vừa mới gội đầu, chắc việc này không phải là tầm thường", rồi nói với thợ gốm

Ghatikara:

"– Nay bạn Ghatikara, có thật sự là cần thiết không?"

"– Nay bạn Jotipala, thật sự là cần thiết. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

"– Vậy bạn Ghatikara, hãy thả (tay) ra. Chúng ta sẽ đi".

Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala cùng đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, thợ gốm Ghatikara đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác rồi ngồi xuống một bên. Còn thanh niên Jotipala thời nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, này Ananda, thợ gốm Ghatikara bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipala, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn thuyết pháp cho bạn con".

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, với pháp thoại khích lệ làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thọ gồm Ghatikara và thanh niên Jotipala. Rồi này Ananda, thọ gồm Ghatikara và thanh niên Jotipala, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, phấn khởi, hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thọ gồm Ghatikara:

"– Này bạn Ghatikara, khi nghe pháp này, vì sao bạn không xuất gia"?

"– Này bạn Jotipala, bạn không biết tôi sao? **Tôi phải nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa**".

"– Vậy này bạn Ghatikara, **tôi sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình**".

Rồi này Ananda, thọ gồm Ghatikara và thanh niên Jotipala đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn

Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, này Ananda, thợ gốm Ghatikara bậc Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bậc Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipala, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn xuất gia cho bạn con".

Và này Ananda, thanh niên Jotipala được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác cho xuất gia, cho thọ đại giới.

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi thanh niên Jotipala xuất gia chưa bao lâu, sau nửa tháng, sau khi ở tại Vebhalinga lâu cho đến khi thấy tự thỏa mãn, liền du hành đi đến Baranasi. Ngài tuần tự du hành và đến tại Baranasi (Ba-la-nại).

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú tại Baranasi, ở Isipatana, vườn Lộc Uyển. Này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi được nghe như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến Baranasi, trú tại Baranasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển.

Rồi này Ananda, **Kiki, vua nước Kasi** cho

thắng các cỗ xe tời thù thắng, sau khi tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng với các cỗ xe thù thắng đi ra khỏi thành Baranasi với đại uy vệ của nhà vua để yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Vua đi xe cho đến chỗ nào còn đi được xe, rồi xuống xe đi bộ, đi đến chỗ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vua ngồi xuống một bên. Nay Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Kiki, vua xứ Kasi đang ngồi một bên. Rồi Kiki, vua xứ Kasi, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời con mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo".

Và nay Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác im lặng nhận lời. Rồi nay Ananda, sau khi được biết Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi

ra đi.

Và này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xứ của mình, cho bày biện các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, cơm vàng khô, các loại cari các hột đen được gạn bỏ, và các món ăn gia vị, rồi báo thời giờ cho Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được biết:

"– Bạch Thế Tôn giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Kiki, vua xứ Kasi, sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi tự tay thân hầu và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, khi Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã ăn xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con an cư mùa mưa tại Baranasi; sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo".

"– Thôi vừa rồi, Đại vương, Ta đã nhận lời an cư mùa mưa rồi"

Lần thứ hai, này Ananda,... (như trên)... Lần thứ ba, này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con, an cư mùa mưa tại Baranasi; sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo".

"– Thôi vừa rồi Đại vương, Ta đã nhận lời an cư trong mùa mưa rồi".

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, suy nghĩ như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Baranasi", vì vậy cảm thấy thất vọng, ưu phiền. Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

"– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có người đàn tín hộ trì hơn con?"

"– Đại vương, có một thị trấn tên là Vebhalinga. Tại đây có thợ gốm tên là Ghatikara. Người ấy là đàn tín hộ trì của Ta, một đàn tín hộ trì tối thượng. Đại vương, Đại vương có nghĩ như sau: "Thế Tôn

Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Baranasi", do vậy, Đại vương cảm thấy thất vọng, ưu phiền. Nhưng thợ gốm Ghatikara không có như vậy, và không sợ như vậy.

- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.
- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ rượu men, rượu nấu.
- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara thành tựu lòng tin bất thối chuyển đối với Phật, đối với Pháp... đối với Tăng, thành tựu các giới được bậc Thánh ái lạc.
- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có nghi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt.
- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, có giới hạnh, theo thiện pháp.
- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara từ bỏ ngọc và vàng, không có vàng và bạc.

- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara không có tự tay đào đất hay đào với cái cuốc. Vì này vui lòng làm thành ghè bát với đất lấy từ bờ đê bị sập xuống hay do chuột và chó đào lên, và nói như sau: "Ở đây, nếu ai muốn, hãy bỏ vào từng nhúm các loại gạo có vỏ, từng nhúm các loại đậu que (mugga?), từng nhúm các loại đậu hột (kalaya), và có thể lấy cái gì mình muốn".
- Nay Đại vương, thợ gốm Ghatikara nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa.
- Nay Đại vương, **thợ gốm Ghatikara sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, nhập Niết-bàn từ chỗ ấy, không phải trở lui đời này nữa.

➡ "Một thời, này Đại vương, Ta ở tại thị trấn Vabhalinga. Rồi này Đại vương, Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến cha mẹ của thợ gốm Ghatikara, sau khi đến nói với cha mẹ thợ gốm Ghatikara như sau:

"– Người thợ làm đồ gốm đi đâu?"

"– Bạch Thế Tôn, người đàn tín hộ trì cho Thế Tôn đã đi khỏi và có dặn như sau: **Hãy lấy cháo từ nơi nôi, hãy lấy đồ ăn từ nơi chảo mà dùng**".

"Rồi ta, này Đại vương, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi. Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đi đến cha mẹ sau khi đến, nói với cha mẹ như sau:

"– Ai đã lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi?"

"– Này con, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi".

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara suy nghĩ như sau: "Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy". Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng, hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikara, hay cho đến một tuần (không rời khỏi) cha mẹ (người thợ gốm).

☞ "Một thời, này Đại Vương. Ta trú ở thị trấn Vebhalinga, lúc bấy giờ, các cốc bị mưa dột, rồi Ta, này Đại vương, gọi các Tỷ-kheo:

"– Hãy đi, này các Tỷ-kheo, và xem tại nhà của thợ gốm Ghatikara có cỏ hay không?

"Khi được nghe nói vậy, này Đại vương, các Tỷ-

kheo bạch với Ta:

"– Bạch Thế Tôn, tại nhà của thợ gốm Ghatikara không có cỏ, nhưng nhà người ấy có mái cỏ".

"– Này các Tỷ-kheo, hãy đi và rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikara.

"Rồi này Đại vương, các Tỷ-kheo ấy rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikara. Này Đại vương, cha mẹ thợ gốm Ghatikara nói với các Tỷ-kheo ấy:

"– Quý vị là ai lại rút cỏ ngôi nhà?"

"– Này Đại tử, ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác bị mưa dột".

"– Hãy lấy đi, chư Hiền giả! Hãy lấy đi chư Hiền giả! "

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đi đến cha mẹ, sau khi đến thưa với cha mẹ như sau:

"– Những ai đã rút cỏ khỏi ngôi nhà?"

"– Này Con, các Tỷ-kheo có nói: Ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác bị mưa dột".

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara suy nghĩ như sau: "Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy".

"Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikara, hay cho đến một tuần, (không rời khỏi) cha mẹ thợ gốm. Rồi suốt cả ba tháng trời, ngôi nhà đứng lấy bầu trời làm mái, nhưng không có mưa rơi vào. Và như vậy, này Đại vương, là người thợ gốm, Ghatikara.

"– Lợi ích thay, bậc Thế Tôn, cho thợ gốm Ghatikara; thật khéo lợi ích thay, bậc Thế Tôn cho thợ gốm Ghatikara, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng! "

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, cho người đưa đến thợ gốm Ghatikara, khoảng năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn. Rồi này Ananda, những người nhà vua đi đến thợ gốm Ghatikara và nói:

"– Này Tôn giả, năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn này, do Kiki, vua xứ Kasi, gửi đến cho Tôn giả, mong Tôn giả hãy nhận lấy".

"– Nhà vua rất nhiều phận sự, rất nhiều việc cần phải làm. Thật là vừa đủ cho tôi, được nhà vua nghĩ đến như thế này".

– Này Ananda, rất có thể Ông suy nghĩ như sau: "Lúc bấy giờ, thanh niên Jotipala có thể là một người khác". Nhưng này Ananda, chớ có nghĩ như vậy. Lúc bấy giờ, **Ta chính là thanh niên Jotipala.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

5 GHOTAMUKHA - 94 Trung II, 703

KINH GHOTAMUKHA

– *Bài kinh số 94* – Trung II, 703

Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Udena trú ở Baranasi (Ba-la-nại), tại rừng xoài Khemiya. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Ghotamukha đến tại Baranasi có một vài công việc. Rồi Bà-la-môn Ghotamukha tản bộ du hành và đi đến rừng xoài Khemiya. Lúc bấy giờ Tôn giả Udena đang đi kinh hành ở giữa trời. Rồi Bà-la-môn Ghotamakha đi đến Tôn giả Udena, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Udena, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền nói với Tôn giả Udena đang đi kinh hành:

– Thưa Tôn giả Sa-môn, không có một sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con: vì không thấy một Tôn giả như Ngài, hay ở đây pháp (ấy) là gì? Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udena từ chỗ kinh hành bước xuống, đi vào trong tinh xá (vihara), rồi ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Ghotamukha cũng từ chỗ kinh hành bước xuống, vào trong tinh xá rồi đứng một bên. Tôn giả Udena

nói với Bà-la-môn Ghotamukha đang đứng một bên:

– Nay Bà-la-môn, đây có những ghế ngồi. Nếu muốn, hãy ngồi xuống.

– Trong khi chúng con đến với Tôn giả Udena, chúng con không ngồi. Làm sao người như con lại nghĩ đến ngồi xuống, trước khi được mời.

Rồi Bà-la-môn Ghotamukha lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ghotamukha nói với Tôn giả Udena:

– Thừa Tôn giả Sa-môn, không có sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con: vì không thấy một Tôn giả như Ngài, hay ở đây pháp ấy là gì?

– Nay Bà-la-môn, nếu Ông tán đồng những gì ta tán đồng, và bài bác những gì cần phải bài bác, và có điều gì ta nói mà Ông không biết. Ở đây, Ông có thể hỏi thêm ta: "Thừa Tôn giả Udena, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?" Sau khi sắp đặt như vậy, ở đây sẽ có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

– Con sẽ tán đồng những gì Tôn giả Udena tán đồng, và bài bác những gì cần phải bài bác. Và có điều gì Tôn giả Udena nói mà con không biết. Ở đây, con có thể hỏi thêm Tôn giả Udena: "Tôn giả Udena, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?" Sau khi sắp đặt như vậy, ở đây mong sẽ có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

– Nay Bà-la-môn, ở đây có bốn hạng người này có mặt ở trên đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, nay Bà-la-môn có người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

Ở đây, nay Bà-la-môn, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, nay Bà-la-môn, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, nay Bà-la-môn, có người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Người ấy không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Nay Bà-la-môn, bốn hạng người này, hạng người nào được tâm Ông thích ý nhất?

– Thưa Tôn giả Udena, hạng người tự hành khổ mình chuyên tâm tự hành khổ mình; hạng người này, tâm con không thích ý.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này, tâm con không thích ý.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ

người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này, tâm con không thích ý.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại, không có tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể, hạng người này, tâm con thích ý.

– *Này Bà-la-môn, vì sao tâm Ông không thích ý ba hạng người này?*

– Thưa tôn giả Udena, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, hạng người này hành khổ mình, hành hạ mình, trong khi tự ao ước lạc, yếm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này hành khổ người khác, hành hạ người khác, trong khi người khác ao ước lạc, yếm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này hành khổ, hành hạ mình và người khác, trong khi

mình và người khác ao ước lạc, yểm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.

Nhưng thừa Tôn giả Udena, hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể. Do vậy, tâm con thích ý hạng người này.

– Nay Bà-la-môn, **có hai hội chúng này**. Thế nào là hai?

Ở đây, này Bà-la-môn có hội chúng vì tham đắm châu báu và đồ trang sức, tìm cầu vợ con, tìm cầu đầy tớ nam, đầy tớ nữ, tìm cầu ruộng đất, tìm cầu vàng bạc.

Ở đây, này Ba La Môn, lại có hội chúng, không tham đắm châu báu và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này Bà-la-môn, hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ,

tự ngã trú vào Phạm thể. Nay Bà-la-môn, trong hội chúng nào Ông thấy phần lớn hạng người này: trong hội chúng tham đắm châu báu và đồ trang sức, tìm cầu vợ con, tìm cầu đầy tớ nam, đầy tớ nữ, tìm cầu ruộng đất, tìm cầu vàng bạc, hay là trong hội chúng không tham đắm châu báu và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Tôn giả Udena, hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể; hạng người này, trong hội chúng không tham đắm châu báu, và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong hội chúng ấy con thấy phần lớn hạng người này.

– Nhưng nay Bà-la-môn, nay Ông vừa mới nói: "Chúng con biết như sau, thưa Tôn giả Sa-môn, không có một sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con: vì không thấy một Tôn giả như Ngài hay ở đây pháp ấy là gì?"

– Thừa Tôn giả Udena, thật sự lời nói ấy có lợi ích cho con. **Có một sự xuất gia đúng pháp.** Ở đây, đối với con là như vậy, và mong Tôn giả Udena chấp trì con là như vậy. Bốn hạng người được Tôn giả Udena nói một cách vắn tắt, không giải thích rộng ra, lành thay, nếu được Tôn giả Udena khởi lòng từ phân tích rộng rãi cho con bốn hạng người này.

– Nay Bà-la-môn, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Ghotamukha vâng đáp Tôn giả Udena.

Tôn giả Udena nói như sau:

– Và này Bà-la-môn, thế nào là người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sống lỏa thể, sống phóng túng, không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, đi khát thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận (đồ ăn) từ nơi miệng nôi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang (giao cấu) với người đàn ông,

không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men. Vị ấy

chỉ nhận ăn tại một nhà, hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, hay chỉ nhận ăn hai miếng. Hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát... nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa... bảy ngày một bữa...

(như kinh Kandaraka số 51, trang 17, 18)

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ghotamukha nói với Tôn giả Udena:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Udena! Thật vi diệu thay, Tôn giả Udena! Thừa Tôn giả Udena, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, (Chánh) pháp đã được Tôn giả Udena dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Udena, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udena nhận còn làm cư sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
- Này Bà-la-môn, chớ có quy y với ta. Hãy quy y với Thế Tôn, bậc mà ta đã quy y.

- Thừa Tôn giả Udena, nay Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở tại đâu?
- Nay Bà-la-môn, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nhập Niết-bàn.
- Thừa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách mười do-tuần (yojana), chúng con sẽ đi mười do-tuần ấy để được yết kiến Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Thừa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách hai mươi do-tuần... (như trên)... ba mươi do-tuần, bốn mươi do-tuần, năm mươi do-tuần, chúng con sẽ đi năm mươi do-tuần để được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Thừa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách một trăm do-tuần (yojana), chúng con sẽ đi một trăm do-tuần để được yết kiến Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Thừa Tôn giả Udena, vì Tôn giả Gotama đã nhập Niết-bàn, chúng con xin quy y Tôn giả Gotama đã nhập Niết-bàn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udena nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
- Thừa Tôn giả Udena, vua nước Anga có cúng dường cho con một cỗ thí thường xuyên hằng ngày, nay con xin cúng dường Tôn giả Udena cỗ thí thường xuyên ấy.

- Nay Bà-la-môn, vua nước Anga cúng dường thường xuyên hằng ngày cho Ông là bao nhiêu?
- Thừa Tôn giả Udena, năm trăm Kahapana (đồng tiền vàng).
- Nay Bà-la-môn, **ta không được phép nhận vàng và bạc.**
- Nếu Tôn giả Udena không được phép nhận vàng và bạc, con sẽ cho làm một tinh xá cho Tôn giả Udena.
- Nay Bà-la-môn, nếu ông muốn xây dựng một tinh xá cho ta, thì hãy xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pataliputta.
- Con lại càng bội phần hân hoan, hoan hỷ, thỏa mãn với Tôn giả Udena, khi Tôn giả khuyến khích con cúng dường chúng Tăng. Thừa Tôn giả Udena, với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, con sẽ cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pataliputta.
- Rồi Bà-la-môn Ghotamukha với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pataliputta. Nay giảng đường ấy được gọi là Ghotamukhi.

6 GIA CHỦ - Tăng II, 651

GIA CHỦ – Tăng II, 651

1. Rồi Gia chủ Anàthapindika với khoảng 500 nam cư sĩ doanh vậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn bảo Tôn giả Sàriputta:

2. - *Này Sàriputta, Thầy có biết người gia chủ mặc áo trắng nào mà sở hành được bảo vệ trong Năm học giới, và có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức Bốn tăng thượng tâm hiện tại lạc trú, **nếu vị ấy muốn, có thể tự đáp về mình như sau**: "Ta sẽ đoạn tận địa ngục, đoạn tận loài bàng sanh, đoạn tận loài ngạ quỷ, đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. **Ta là bậc Dự lưu**, không còn phải thoái đọa, quyết chắc đạt được Chánh giác"?*

*Sở hành được bảo vệ trong **năm** học giới nào?*

3. Ở đây, này Sàriputta, Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Sở hành được bảo vệ trong năm học giới này.

Vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức **bốn** tăng thượng tâm hiện tại lạc trú nào?

4. Ở đây, này Sàriputta, vị Thánh đệ tử có lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "*Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*". Đây là tăng thượng tâm hiện tại lạc trú thứ nhất đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

5. Lại nữa, này Sàriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "*Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được kể trí tự mình giác hiểu*". Đây là tăng thượng tâm hiện tại lạc trú thứ hai đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

6. Lại nữa, này Sàriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng tăng: "*Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn! Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn! Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn! Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn! Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được*

cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời". Đây là tầng thượng tâm hiện tại lạc trú thứ ba đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

7. Lại nữa, này Sàriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu giới được bậc Thánh ái kính, không có bề vụn, không bị sức mẻ, không tì vết, không ô nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, làm cho an lạc, hướng đến Thiền định. Đây là tầng thượng tâm hiện tại lạc trú thứ tư đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

Bốn tầng thượng tâm hiện tại lạc trú này được **chứng đắc** không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.

8. Này Sàriputta, người gia chủ mặc áo trắng nào mà Thầy biết sở hành được bảo vệ trong năm học giới, và có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức **bốn tầng thượng tâm hiện tại lạc trú**; nếu vị ấy muốn, có thể tự đáp về mình như sau: *"Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận loài bàng sanh, đoạn tận loài ngạ quỷ, đoạn tận cõi*

dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn phải thôi đọa, quyết chắc đạt được Chánh giác".

*Thấy sợ hãi địa ngục,
Hãy tránh xa điều ác,
Khéo chấp nhận Chánh pháp,
Bậc Hiền trí tránh xa,
Không hại các chúng sanh,
Những vật có nỗ lực,
Biết không có nói láo,
Không lấy của không cho,
Tự bằng lòng vợ mình,
Tránh xa vợ người khác,
Người biết không uống rượu,
Khiến tâm trí mê loạn,
Hãy tùy niệm đến Phật,
Hãy tùy niệm đến Pháp,
Hãy tu tâm không sân,
Hãy tu tâm nhiều ích,
Để xứng đáng được sanh,
Cảnh giới các chư Thiên,
Cầu công đức lợi ích,
Hãy cung cấp vật thí,
Trước thí bậc Chí thiện,
Mới mong có quả lớn,
Này Sàriputta,
Ta sẽ nói cho Thầy,*

Các bậc Chí thiện ấy,
Thầy hãy lắng nghe ta,
*Như trong một đàn bò,
Có con đen, trắng, đỏ,
Màu hung hay có đốm,
Có con màu bò câu,
Dầu con bò màu gì,
Kiếm được con bò thuần,
Con vật kéo sức mạnh,
Đẹp, lanh và hăng hái,
Mặc kệ nó màu gì,
Liền mắc vào gánh nặng,
Cũng vậy, giữa loài Người,
Dầu có sinh chỗ nào,
Hoàng tộc, Bà-la-môn,
Thương gia hay nô bộc,
Kẻ không có giai cấp,
Hay hạ cấp đồ phân,
Giữa những người như vậy,
*Ai điều phục, thuần thực,
Ngay thẳng, đủ giới đức,
Nói thực, biết tầm quý,
Sanh tử đã đoạn tận,
Phạm hạnh được vẹn toàn,
Gánh nặng đã hạ xuống,
Không còn bị trói buộc,
Việc cần làm đã làm,**

Không còn bị lậu hoặc,
Đã đến bờ bên kia,
Không chấp trước tịch tịnh,
Phước điền ấy vô cầu,
Quả lớn đáng cúng dường.
Những kẻ ngu không biết,
Thiếu trí, ít nghe nhiều,
Chỉ bố thí bên ngoài,
Không đến gần kẻ thiện,
Những ai gần kẻ thiện,
Có tuệ, tôn bậc Hiền,
Họ tin bậc Thiện Thệ,
An trú tận gốc rễ,
Sanh Thiên hay ở đây,
Được sanh gia đình tốt,
Bậc trí tuần tự tiến,
Chúng được cảnh Niết-bàn.

7 GIA ĐÌNH - Tăng II, 702

GIA ĐÌNH – Tăng II, 702

1. - Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, tại đây các người do năm trường hợp, được nhiều công đức. Thế nào là năm?

2. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người sau khi thấy họ tâm được tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, như vậy là **đưa đến cõi Trời**, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

3. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người đứng dậy, đánh lễ họ, mời họ ngồi. Này các Tỷ-kheo, như vậy **đưa đến được sanh vào các gia đình cao sang**, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

4. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người từ bỏ cấu uế của xan tham. Này các Tỷ-kheo, như vậy **đưa đến đại uy lực**, và gia đình ấy trong lúc ấy, đã bước được trên con đường ấy.

5. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người tùy theo khả năng,

tùy theo năng lực, san sẻ vật bố thí. Nay các Tỷ-kheo, như vậy **đưa đến tài sản lớn**, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

6. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người **hỏi những câu hỏi, đặt những câu hỏi, nghe pháp**. Nay các Tỷ-kheo, như vậy **đưa đến đại trí tuệ**, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, tại đây các người do năm trường hợp này được nhiều công đức.

8 GIA ĐÌNH - Tăng III, 287

GIA ĐÌNH – Tăng III, 287

1. - Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần; nếu chưa đến thăm, thời không xứng đáng để đi đến, nếu đã đến thăm, thời không xứng đáng để ngồi xuống.

2. Thế nào là bảy?

- Không vui vẻ đứng dậy,
- Không vui vẻ chào đón,
- Không vui vẻ mời ngồi;
- Có chỗ ngồi đem giấu đi;
- Từ nhiều họ cho ít,
- Từ đồ thù thắng, họ cho đồ thô xấu;
- Họ cho không có kính trọng, không có kính lễ.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này; nếu chưa đến, thời không xứng đáng để đến; nếu đã đến, thời không xứng đáng để đến; nếu đã đến, thời không xứng đáng để ngồi xuống.

9 GIA ĐÌNH - Tăng IV, 117

GIA ĐÌNH – Tăng IV, 117

1. - Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống.

2. Thế nào là chín?

1. Không vui vẻ đứng dậy.
2. Không vui vẻ đánh lễ.
3. Không vui vẻ mời ngồi.
4. Nếu có, họ giấu đi.
5. Có nhiều, họ cho ít.
6. Có đồ tốt, họ cho đồ xấu.
7. Họ cho không cần thận.
8. Họ cho không có chu đáo.
9. Họ không có ngồi xung quanh để nghe pháp.
10. Không thưởng thức lời nói.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống.

3. Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống.

4. Thế nào là chín?

1. *Họ vui vẻ đứng dậy.*
2. *Họ vui vẻ đánh lễ.*
3. *Họ vui vẻ mời ngồi.*
4. *Nếu có, họ không giấu đi.*
5. *Có nhiều, họ cho nhiều.*
6. *Có đồ tốt, họ cho đồ tốt.*
7. *Họ cho cẩn thận.*
8. *Họ cho một cách chu đáo.*
9. *Họ ngồi xung quanh để nghe pháp.*
10. *Họ thưởng thức lời nói.*

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống.

10 GIRIMÀNANDA - Tăng IV, 384

GIRIMÀNANDA – Tăng IV, 384

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Girimàṇanda bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

2. - Tôn giả Girimàṇanda, bạch Thế Tôn, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Lành thay, nếu Thế Tôn đi đến Tôn giả Girimàṇanda, vì lòng từ mẫn.

- Nay Ànanda, nếu Thầy đi đến Tỷ-kheo Girimàṇanda và đọc lên mười tướng, thời sự kiện này có thể xảy ra: Tỷ-kheo Girimàṇanda sau khi được nghe mười tướng, bệnh của vị ấy có thể được thuyên giảm ngay lập tức!

3. Thế nào là mười?

1. Tướng vô thường.
2. Tướng vô ngã.
3. Tướng bất tịnh.
4. Tướng nguy hại.
5. Tướng đoạn tận.

6. Tưởng từ bỏ.
7. Tưởng đoạn diệt.
8. Tưởng nhầm chán đối với tất cả thế giới.
9. Tưởng vô thường trong tất cả hành.
10. Tưởng niệm hơi thở vô hơi thở ra.

Và này Ànanda, thế nào là *tưởng vô thường*?

4. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo đi đến ngôi rừng, hay đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "**Sắc** là vô thường, **thọ** là vô thường, **tưởng** là vô thường, **hành** là vô thường, **thức** là vô thường." Như vậy vị ấy trú, tùy quán vô thường, trong năm thủ uẩn này. Này Ànanda, đây gọi là tưởng vô thường.

Và này Ànanda, thế nào là *tưởng vô ngã*?

5. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "**Mắt** là vô ngã, **các sắc** là vô ngã; tai là vô ngã, các tiếng là vô ngã; mũi là vô ngã, các hương là vô ngã; lưỡi là vô ngã, các vị là vô ngã; thân là vô ngã, xúc là vô ngã; ý là vô ngã, các pháp là vô ngã." Này Ànanda, đây gọi là tưởng vô ngã.

Và này Ananda, thế nào là *tưởng bất tịnh*?

6. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo quán sát thân này từ bàn chân trở lên, từ đỉnh tóc trở xuống, được da bao bọc, đầy những vật bất tịnh sai biệt như: *"Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, dây gân, xương, tủy, thận, quả tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mủ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu"*. Như vậy, vị ấy trú quán bất tịnh trong thân này. Đây Ànanda, đây gọi là tướng bất tịnh.

Và này Ànanda, thế nào là *tướng nguy hại*?

7. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: *"Nhiều khổ là thân này, nhiều sự nguy hại. Như vậy trong thân này, nhiều loại bệnh khởi lên. Ví như bệnh đau mắt, bệnh đau về tai, bệnh đau mũi, bệnh đau lưỡi, bệnh đau thân, bệnh đau đầu, bệnh đau vành tai, bệnh đau miệng, bệnh đau răng, bệnh ho, bệnh suyễn, bệnh sổ mũi, bệnh sốt, bệnh già yếu, bệnh đau yếu, bệnh đau bụng, bất tỉnh, kiết lỵ, bệnh đau bụng quặn, bệnh thổ tả, bệnh hủi, bệnh ung nhọt, bệnh ghẻ lở, bệnh ho lao, bệnh trúng gió, bệnh da, bệnh ngứa, bệnh da đóng vảy, bệnh hắc lào lang ben, bệnh ghẻ, bệnh huyết đả (mật trong máu), bệnh đái đường, bệnh trĩ, bệnh mụn nhọt, bệnh ung thư ung*

loét, các bệnh khởi lên từ gió; bệnh do hòa hợp các thể dịch sinh ra; các bệnh do thời tiết sanh; các bệnh do làm việc quá độ sanh; các bệnh do sự trùng hợp các sự kiện; các bệnh do nghiệp thuần thực, lạnh, nóng, đói khát, đại tiện, tiểu tiện". Như vậy, vì ấy sống, quán sự nguy hại trong thân này. Nay Ananda, đây gọi là các tướng nguy hại.

Và nay Ananda, thế nào là *tướng đoạn tận*?

8. Ở đây, nay Ananda, Tỷ-kheo, không có chấp nhận **dục tâm** đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận **sân tâm** đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận **hại tâm**... đã sanh...; không có chấp nhận các ác bất thiện pháp tiếp tục khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng. Nay Ananda, đây được gọi tướng đoạn tận.

Và nay Ananda, thế nào là *tướng từ bỏ*?

9. Ở đây, nay Ananda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, duy xét như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, Niết bàn.

Và này Ànanda, thế nào là **tưởng đoạn diệt?**

10. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, suy xét như sau: "**Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, Niết bàn**".

Và này Ànanda, thế nào là **tưởng không ưa thích trong tất cả thế giới?**

11. Ở đây, này Ànanda, **phàm ở đời có những chấp thủ phương tiện, tâm quyết định, thiên kiến, tùy miên nào, Tỷ-kheo từ bỏ chúng, không ưa thích, không chấp thủ**. Này Ànanda, đây gọi là tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế gian.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tưởng vô thường trong tất cả hành?**

12. Ở đây, này Ànanda, **Tỷ-kheo bức phiền, xấu hổ, nhàm chán đối với tất cả hành**. Này Ànanda, đây gọi là vô thường trong tất cả hành.

Và này Ananda, thế nào là **tưởng niệm hơi thở vào, hơi thở ra?**

13. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, **ngồi kiết-**

già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thở vô; chánh niệm, vị ấy thở ra.

1. Thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài". Thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài";
2. Thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn". Thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn".
3. "**Cảm giác toàn thân**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
4. "**An tịnh thân hành**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
5. "**Cảm giác hỷ thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra », vị ấy tập.
6. "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra », vị ấy tập.
7. "**Cảm giác tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
8. "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
9. "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, Tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
10. "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
11. "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
12. "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

13. "**Quán vô thường**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
14. "**Quán ly tham**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
15. "**Quán đoạn diệt**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
16. "**Quán từ bỏ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Này Ānanda, đó là niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

14. Này Ānanda, nếu Thầy đi đến Tỷ-kheo Girimānanda và đọc lên mười tướng này, sự kiện này có xảy ra: Tỷ-kheo Girimānanda, sau khi nghe mười tướng này, bệnh của vị ấy được thuyên giảm ngay lập tức".

15. Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi học thuộc từ Thệ Tôn mười tướng này, đi đến Tôn giả Girimānanda, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Girimānanda mười tướng này. **Và Tôn giả Girimānanda, sau khi nghe mười tướng này, bệnh của vị ấy được thuyên giảm ngay lập tức.** Tôn giả Girimānanda, được thoát khỏi bệnh ấy. Được đoạn tận như vậy là chứng bệnh ấy của Tôn giả Girimānanda.

11 GIÁC CHI - Tăng II, 267

GIÁC CHI – Tăng II, 267

- 1.- Có bốn nghiệp này ... (như 232,1)
2. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen quả đen? (như 232,2)
3. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng quả trắng? (như 232,3)
4. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng quả đen trắng? (như 232,4)
5. *Nay các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen trắng, quả không đen trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt?*

- Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Nay các Tỷ-kheo, đây là nghiệp không đen trắng, quả không đen trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại nghiệp này, đã được ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên thuyết.

12 GIÁC CHI - Tăng III, 310

GIÁC CHI – Tăng III, 310

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bảy pháp không bị suy giảm**, hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **bảy pháp không làm suy giảm**?*

Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo **tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi**, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

13 GIÁC CHI - Tăng IV, 529

GIÁC CHI – Tăng IV, 529

1. **Bảy** giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ **ba** minh.

2. Thế nào là bảy?

1. Niệm giác chi.
2. Trạch pháp giác chi.
3. Tinh tấn giác chi.
4. Hỷ giác chi.
5. Khinh an giác chi.
6. Định giác chi.
7. Xả giác chi.

Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ ba minh. Thế nào là ba?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo:

1. Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời... nhớ đến nhiều đời trước với các nét đại cương và các chi tiết.
2. Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân... rõ biết các chúng sanh, tùy thuộc hạnh nghiệp của họ.

3. Do đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chúng ngộ, chúng đạt, vị ấy an trú.

Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ ba minh này.

14 GIÁC NGỘ - Tăng I, 549

GIÁC NGỘ – Tăng I, 549

Như vậy, tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajji, tại làng Bhanda. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2.- Nay các Tỷ-kheo, **do không giác ngộ, không thể nhập bốn pháp, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy!**

3. Thế nào là bốn?

- Nay các Tỷ-kheo, *do không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giới**, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy.*

- *Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập **Thánh định**, ...*
- *...**Thánh tuệ**, ...*
- *...**Thánh giải thoát**, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy.*

4. Này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh giới này được giác ngộ, được thể nhập; Thánh tuệ được giác ngộ, được thể nhập; Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập; hữu ái được chặt đứt, dây cột của hữu được đoạn tận, nay không còn tái sanh.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư lại nói thêm:

*Giới, Thiền định, Trí tuệ
Với giải thoát vô thượng
Gotama danh xưng
Giác ngộ những pháp này
Đức Phật thắng tri chúng
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo
Đạo sư đoạn tận khổ
Bậc Tuệ nhãn tịch tịnh.*

15 GIÁO GIỚI CHANNA - 144 Trung III, 593

KINH GIÁO GIỚI CHANNA (Channovada sutam)

– Bài kinh số 144 – Trung III, 593

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá),
Veluvana (Trúc-lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc
(Kalandakanivapa). Lúc bấy giờ Tôn giả Sariputta
(Xá lợi phất), Tôn giả Mahacunda (Đại Chu-na) và
Tôn giả Channa (Xiển-đà) cùng trú ở Gijjhakuta
(Linh Thú). Lúc bấy giờ, Tôn giả Channa bị bệnh,
đau khổ, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Sariputta, vào
buổi chiều từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy, đi đến
Tôn giả Mahacunda, sau khi đến, nói với Tôn giả

Mahacunda:

– Chúng ta hãy đi, này Hiền giả Cunda, chúng ta
hãy đi đến Tôn giả Channa để hỏi thăm bệnh trạng.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahacunda vâng đáp Tôn giả Sariputta.
Rồi Tôn giả Sariputta cùng với Tôn giả Mahacunda
đi đến Tôn giả Channa; sau khi đến, nói lên với Tôn
giả Channa những lời chào đón hỏi thăm; sau khi
nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền

ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Channa:

– Này Hiền giả Channa, mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng! Mong rằng khổ thọ được giảm thiểu không có gia tăng, và sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng!

– Thừa Hiền giả Sariputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Sự thống khổ của tôi gia tăng không có giảm thiểu, và sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thừa Hiền giả Sariputta, tôi sẽ đem dao (cho tôi). Tôi không còn muốn sống.

– Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy tiếp tục sống! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống. Nếu Tôn giả Channa không có các món ăn tốt lành, tôi sẽ đi tìm các món ăn tốt

lành cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có các dược phẩm tốt lành, tôi sẽ đi tìm các dược phẩm tốt lành cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có người thị giả thích đáng, tôi sẽ hầu hạ Tôn giả Channa. Tôn giả Channa chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa hãy tiếp tục sống!

Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống.

– Thừa Hiền giả Sariputta, không phải tôi không có các món ăn tốt lành, cũng không phải tôi không có các dược phẩm tốt lành. Cũng không phải tôi không có thị giả thích đáng. Thừa Hiền giả Sariputta, trong

một thời gian dài, tôi đã hầu hạ bậc Đạo Sư, làm cho (bậc Đạo sư) được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng. Thưa Hiền giả Sariputta, thật là thích đáng cho người đệ tử hầu hạ bậc Đạo Sư, làm cho (bậc Đạo Sư) được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng. Tỷ-kheo Channa đem lại con dao không có phạm tội. Thưa Hiền giả Sariputta, hãy thọ trì như vậy!

– Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Channa về một vấn đề đặc biệt, nếu Tôn giả Channa cho chúng tôi được phép đặt câu hỏi.

– Hãy bỏ đi, Hiền giả Sariputta; sau khi nghe, tôi sẽ biết (nói như thế nào).

– Hiền giả Channa, Hiền giả có xem con mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem tai, nhĩ thức..

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem mũi, tỷ thức...

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem lưỡi, thiệt thức...

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem thân, thân thức...

Hiền giả Channa, Hiền giả có xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi?"

– Hiền giả Sariputta, tôi xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Hiền giả Sariputta, tôi xem tai, nhĩ

thức.. Hiền giả Sariputta, tôi xem mũi, tỷ thức...

Hiền giả Sariputta, tôi xem cái lưỡi, thiết thức...

Hiền giả Sariputta, tôi xem thân, thân thức.. Hiền giả Sariputta, tôi xem ý, ý thức, các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

– Nay Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp được mắt nhận thức mà Hiền giả xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi?" Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiết thức.. trong thân, trong thân thức... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý nhận thức mà Hiền giả xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi"?

– Thừa Hiền giả Sariputta, chính vì tôi thấy sự diệt (nirodha), chứng tri sự diệt trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp do mắt nhận thức, mà tôi xem mắt, nhãn thức, và các pháp do mắt nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Thừa Hiền giả Sariputta, chính vì tôi thấy sự diệt, chứng tri sự

diệt trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiệt thức... trong thân, trong thân thức... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý nhận thức mà tôi xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Mahacunda nói với Tôn giả Channa:

– Do vậy, này Hiền giả Channa, **lời dạy này của Thế Tôn phải được thường trực tác ý: Ai có chấp trước là có dao động. Ai không chấp trước không có dao động. Không có dao động, thời có khinh an; có khinh an thời không có hy cầu (nati); không có hy cầu thời không có khứ lai; không có khứ lai thời không có tử sanh; không có tử sanh thời không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời. Như vậy là sự đoạn tận đau khổ.**

Rồi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Mahacunda sau khi giáo giới cho Tôn giả Channa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Channa, sau khi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Mahacunda ra đi không bao lâu, đem dao lại (cho mình). Rồi Tôn giả Sariputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Channa đã đem dao lại (cho mình), sanh xứ của Tôn giả ấy là gì? Đời sống tương lai là gì?

– Này Sariputta, có phải trước mặt Ông Tỷ-kheo Channa đã tuyên bố sự không phạm tội?

– Bạch Thế Tôn, có một ngôi làng của dòng họ Vajji (Bạt-kỳ) tên là Pubbajira). Tại đây, có những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì Tôn giả Channa, những gia đình cần được viếng thăm.

– Này Sariputta, có những gia đình ấy là những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì Tỷ-kheo Channa, những gia đình cần được viếng thăm. Này Sariputta, cho đến nay, Ta không nói rằng Tỷ-kheo

Channa có phạm tội. Này Sariputta, ai quăng bỏ thân này, và chấp thủ thân khác, Ta nói rằng người ấy có phạm tội. Tỷ-kheo Channa không có (chấp thủ) như vậy. Tỷ-kheo Channa đem con dao lại (cho mình), không có phạm tội.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

16 GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC - 143 Trung III, 581

KINH GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC (**Anathapindikovada sutam**) – *Bài kinh số 143 – Trung III, 581*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana, (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc gọi một người:

– Hãy đến đây, này Bạn. Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch như sau: "Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Cấp Cô Độc xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn". Rồi đi đến Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất), sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Cấp Cô Độc xin cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả Sariputta vì lòng từ mẫn, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp cư sĩ Cấp Cô Độc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ chân Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Rồi người ấy đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến đánh lễ Tôn giả Sariputta rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sariputta:

– Thưa Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, tốt lành thay, nếu Tôn giả Sariputta vì lòng từ mẫn đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc".

Tôn giả Sariputta im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Sariputta đắp y, cầm y bát, cùng với Tôn giả Ananda là thị giả, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi đến liền ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sariputta nói với cư sĩ Cấp Cô Độc.

– Này Cư sĩ, ta mong rằng Ông có thể kham nhẫn; Ta mong rằng Ông có thể chịu đựng. Ta mong rằng khổ thọ được giảm thiểu, không gia tăng, sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng.

– Thừa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Sự khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thừa Tôn giả Sariputta, *ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén*; cũng vậy, thừa Tôn giả Sariputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đầu nhói trong đầu con.

Thừa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thừa Tôn giả Sariputta, *như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết chặt*; cũng vậy, thừa Tôn giả Sariputta, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng.

Thừa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thừa Tôn giả Sariputta, *như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén*; cũng vậy, thừa Tôn giả Sariputta, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của con.

Thừa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia

tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, *ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hồ than hồng; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân con.* Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

– Do vậy, này Cư sĩ hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ con mắt, và tôi sẽ không có thức y cứ vào con mắt**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ tai, và tôi sẽ không có thức y cứ vào tai". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ mũi... y cứ vào mũi... hãy học tập như vậy. Do vậy.. không chấp thủ lưỡi... y cứ vào lưỡi.... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ thân.. y cứ vào thân.. hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ ý... y cứ vào ý.. hãy học tập như vậy.

Do vậy... không chấp thủ sắc... y cứ vào sắc.. hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ tiếng.. y cứ vào tiếng... hãy học tập như vậy. Do vậy.. không chấp thủ hương... y cứ vào hương... hãy học tập như vậy. Do vậy.... không chấp thủ vị... y cứ vào vị... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ

xúc... y cứ vào xúc... hãy học tập như vậy. Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ pháp, và tôi sẽ không có thức y cứ vào pháp".

Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ nhãn thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn thức**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ thức... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ thức... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt thức... Tôi sẽ không chấp thủ thân thức... Tôi sẽ không chấp thủ ý thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý thức". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ nhãn xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn xúc**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thân xúc.. Tôi sẽ không chấp thủ ý xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý xúc".

Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhãn xúc sanh khởi, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do nhãn xúc sanh khởi**". Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhĩ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do tỷ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thiệt xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thân xúc sanh

khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do ý xúc sanh khởi và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do ý xúc sanh khởi". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, nay Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ địa giới, và tôi sẽ không có thức y cứ vào địa giới**". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

"Tôi sẽ không chấp thủ thủy giới.. Tôi sẽ không chấp thủ hỏa giới... Tôi sẽ không chấp thủ phong giới... Tôi sẽ không chấp thủ hư không giới... Tôi sẽ không chấp thủ thức giới và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, nay Cư sĩ... "**Tôi sẽ không chấp thủ sắc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào sắc**". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ thọ.. Tôi sẽ không chấp thủ tưởng... Tôi sẽ không chấp thủ hành... Tôi sẽ không chấp thủ thức và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy.... "**Tôi sẽ không chấp thủ Hư không vô biên xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Hư không vô biên xứ**". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ Thức vô biên xứ... Tôi sẽ không chấp thủ Vô sở hữu xứ.. Tôi sẽ không chấp thủ Phi tướng phi phi tướng xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Phi tướng phi phi tướng xứ". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ thế giới ở đây và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới ở đây**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới khác, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới khác". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận thức, được hy cầu, được tư sát với ý, và tôi sẽ không có thức y cứ vào các pháp (nói trên)**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Khi nghe nói vậy, cư sĩ Cấp Cô Độc khóc và chảy nước mắt. Rồi Tôn giả Ananda nói với cư sĩ Cấp Cô Độc:

– Này Cư sĩ, Ông đang gượng lên mà sống, hay chìm xuống (cõi chết)?

– Thưa Tôn giả Ananda, con không gượng lên mà sống, con đang chìm xuống cõi chết. Dầu cho bậc Đạo sư được con hầu hạ đã lâu và dầu các vị Tỷ-kheo, tu tập ý lực con chưa từng được nghe một thời thuyết pháp như vậy.

– Này Cư sĩ, thuyết pháp như vậy không nói cho các hàng cư sĩ mặc áo trắng. Này Cư sĩ, thuyết pháp như vậy nói cho các hàng xuất gia.

– Vậy thưa Tôn giả Sariputta, hãy thuyết pháp như vậy cho hàng cư sĩ mặc áo trắng. Thưa Tôn giả

Sariputta, có những Thiện gia nam tử sanh ra với
cầu uế không nhiều, nếu không được nghe pháp, sẽ
bị đọa lạc; nhưng họ không thể biết được (Chánh)
pháp.

Rồi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Ananda sau khi
giảng dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc với bài thuyết
giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi cư sĩ Cấp
Cô Độc, sau khi Tôn giả Sariputta và Tôn giả
Ananda ra đi không bao lâu, sau khi thân hoại mạng
chung liền sanh lên cõi Tusita (Đâu-suất thiên). Rồi
Thiên tử Cấp Cô Độc, khi đêm đã gần mãn, sau khi
chói sáng toàn cảnh Jetavana (Kỳ-đà-Lâm) với
dung sắc thù thắng đi đến Thế Tôn, sau khi đến
đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên,
Thiên tử Cấp Cô Độc nói lên với Thế Tôn bài kệ
sau đây:

*Rừng Jetavana,
Tốt đẹp phước lành này,
Được chư Thiên, chúng Tăng,
Thường lui tới an trú,
Được Pháp Vương trú trì,
Ban hoan hỷ cho ta.*

*Nghiệp, mình và Chánh pháp,
Giới, tôi thượng sanh mạng,
Chính nhờ các pháp trên,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải do giai cấp,*

Không phải do tài sản.

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy rõ mục đích mình,
Suy tư pháp chân chánh,
Được thanh tịnh ở đây.*

*Như Sariputta,
Về tuệ, giới, tịch tịnh,
Bất luận Tỷ-kheo nào,
Đã tới bờ bên kia,
Hãy đạt được tối thắng
Trong những pháp kể trên.*

Thiên tử Cấp Cô Độc nói như vậy. Bậc Đạo sư tán đồng. Rồi Thiên tử Cấp Cô Độc suy nghĩ: "Bậc Đạo sư tán đồng ta, " sau khi đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo: – Này các Tỷ-kheo, đêm nay, một vị Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, chiếu sáng toàn cảnh Jetavana với dung sắc thù thắng đã đi đến Ta, sau khi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy nói lên với Ta bài kệ sau đây:

*Rừng Jetavana
Tốt đẹp phước lành này
.... (như trên)...
Hãy đạt được tối thắng
Trong những pháp kể trên.*

Nói vậy xong, này các Tỷ-kheo, vị Thiên tử ấy suy nghĩ: "Bậc Đạo sư tán đồng ta, " sau khi đánh lễ thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải vị ấy là Thiên tử Cấp Cô Độc chăng? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc có lòng tịnh tín bất động đối với Tôn giả Sariputta.
- Lành thay, lành thay, Ananda! Những gì có thể thành đạt được bởi suy tư đã được đạt đến, này Ananda. Chính Cấp Cô Độc là vị Thiên tử ấy, không một ai khác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

17 GIÁO GIỚI LAHÀULA - 147 Trung III, 623

TIÊU KINH GIÁO GIỚI LAHÀULA (Cula Rahulovada sutta) – Bài kinh số 147 – Trung III, 623

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm) tại tinh xá ông Anathapindika. Rồi Thế Tôn trong khi nhàn tịnh độc cư, khởi lên tư niệm sau đây: **"Đã thuần thực là những pháp đã đưa đến giải thoát cho Rahula. Vậy Ta hãy huấn luyện Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc"**.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Thế Tôn cho gọi Tôn giả Rahula và nói:
– Này Rahula, hãy cầm tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến Andhavana để nghỉ ban ngày.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Rahula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Lúc bảy giờ hàng ngàn chư Thiên đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn sẽ huấn luyện

cho Tôn giả Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc".

Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andhavana và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rahula đang ngồi một bên:

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Con mắt** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? **Sắc** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? **Nhãn thức** là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn, là vô thường
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Bạch Thế Tôn, là khổ.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chẳng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn
- Nay Rahula. Ông nghĩ thế nào? **Nhãn xúc** là thường hay vô thường?
- Bạch Thế Tôn, là vô thường.
- ... (như trên)...
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.
- Nay Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức**; pháp được khởi lên ấy là thường hay vô thường?
- Bạch Thế Tôn, là vô thường.
- ... (như trên)...
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.
- Nay Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Tai** là thường hay vô thường?
- Bạch Thế Tôn, là vô thường.
- ... (như trên)...
- **Mũi** là thường hay vô thường?... (như trên)...
- Lưỡi** là thường hay vô thường?... (như trên)...
- Thân** là thường hay vô thường... (như trên)...
- Ý** là thường hay vô thường?
- Bạch Thế Tôn, là vô thường.

- ... (như trên)...
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.
- Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Pháp là thường hay vô thường?
- ... (như trên)...
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.
- Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Ý thức là thường hay vô thường?
- (như trên)...
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.
- Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Ý xúc là thường hay vô thường?
- ... (như trên)...
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.
- Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức**, các pháp (được khởi lên) ấy là thường hay vô thường?
- Bạch Thế Tôn, là vô thường.
- ... (như trên)...
- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.
- Này Rahula, **do thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử **yếm ly con mắt**, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly pháp (được khởi lên) ấy. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng... yếm ly mũi, yếm ly các hương... yếm ly các hương... yếm ly lưỡi, yếm ly các vị... yếm ly thân,

yếm ly các xúc, .. yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc. Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly các pháp (được khởi lên) ấy. **Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết:** "Ta đã được giải thoát ". Và vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của Tôn giả Rahula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và đối với hàng ngàn chư Thiên ấy, được khởi lên **pháp nhãn ly trần, vô cấu:** "**Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị diệt tận**".

18 GIÁO GIỚI LAHÀULA Ở RỪNG AMBÀLA - 61 Trung II, 171

KINH GIÁO GIỚI LAHÀULA Ở RỪNG AMBÀLA

(Ambalatthika Rahulovada sutta)

– Bài kinh số 61 – Trung II, 171

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Rahula (Lahầu-la) ở tại Ambalatthika. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Ambalatthika, chỗ Tôn giả Rahula ở. Tôn giả Rahula thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, và sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn, sau khi để một ít nước còn lại trong chậu nước, bảo Tôn giả Rahula:

- Này Rahula, Ông có thấy một ít nước còn lại này trong chậu nước không?
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng ít vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tầm quý.

Rồi Thế Tôn, sau khi đổ đi chút ít nước còn lại ấy rồi bảo Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy chút ít nước còn lại ấy bị đổ đi không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng đổ đi vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tầm quý.

Rồi Thế Tôn lật úp chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula.

– Này Rahula, Ông có thấy chậu nước bị lật úp ấy không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng lật úp vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tầm quý.

Rồi Thế Tôn lật ngửa trở lại chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy chậu nước này trống không không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng trống không vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo.

Này Rahula, ví như một con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi. Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường. Khi lâm trận con voi này thường dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, nhưng bảo vệ cái vòi. Con voi của vua (như vậy) không quăng bỏ mạng sống (của mình)".

Này Rahula, nhưng khi con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường, khi lâm trận, con voi này dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi, dùng vòi. Ở đây, người nài nghĩ rằng: "Con voi của vua này, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường hay có mặt ở chiến trường... (như trên)... dùng đuôi, dùng vòi. Con voi của vua (như vậy) đã quăng bỏ mạng sống (của mình), và nay con voi của vua không có việc gì mà không làm".

Cũng vậy, này Rahula, **đối với ai biết mà nói láo, không có tầm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm.** Do vậy, này Rahula, **"Ta quyết không nói láo, dầu nói để mà chơi",** này Rahula, **Ông phải học tập như vậy.** Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Mục đích của cái gương là gì?**

– Bạch Thế Tôn, mục đích là để **phản tỉnh.**

– **Cũng vậy, này Rahula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp.**

Này Rahula, khi Ông **muốn làm một thân nghiệp gì,** hãy phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: **"Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".**

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp này, ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta **có thể đưa đến tự hại,** có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, **Ông nhất định chớ có làm.**

Này Rahula, nếu sau khi phản tỉnh, ông biết: "Thân nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta

không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Một thân nghiệp như vậy, này

Rahula, **Ông nên làm.**

Này Rahula, khi Ông **đang làm một thân nghiệp,**

Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau:

"Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ; đem đến quả báo đau khổ.

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:

"Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Này Rahula, ông

hãy từ bỏ một thân nghiệp như vậy.

Nhưng nếu, này Rahula, trong khi phản tỉnh ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Thân nghiệp như vậy, này Rahula, **Ông**

cần phải tiếp tục làm.

Sau khi ông làm xong một thân nghiệp, này Rahula,

Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau:

"Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này của ta

đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải thừa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. **Sau khi đã thừa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai.**

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula Ông biết như sau: "Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, **Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.**

Này Rahula, **khi Ông muốn làm một khẩu nghiệp gì,** hãy phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai, khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:
"Khẩu nghiệp này ta muốn làm. Khẩu nghiệp này
của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại
người, có thể đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp
này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo
đau khổ". Một khẩu nghiệp như vậy này Rahula,
nhất định chớ có làm.

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:
"Khẩu nghiệp này ta muốn làm. Khẩu nghiệp này
của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể
đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai;
thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem
đến quả báo an lạc". Một khẩu nghiệp như vậy, này
Rahula, *Ông nên làm.*

Này Rahula, **khi Ông đang làm một khẩu nghiệp,**
Ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau:
"Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này
của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến
hại cả hai, thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa
đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Này Rahula nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết:
"Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này
của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến
hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa
đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Này
Rahula, *Ông hãy từ bỏ một khẩu nghiệp như vậy.*

Nhưng nếu này Rahula, khi phản tỉnh, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đang làm. Khẩu nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Khẩu nghiệp như vậy này Rahula, *Ông cần phải tiếp tục làm.*

Sau khi Ông làm xong một khẩu nghiệp, này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh khẩu nghiệp ấy như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, khẩu nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". *Một khẩu nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải thừa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thừa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai.*

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Khẩu nghiệp này ta đã làm. Khẩu nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời khẩu nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đưa đến quả báo an lạc". Do

vậy, này Rahula, Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

Này Rahula, như Ông muốn làm một ý nghiệp gì, hãy phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm. Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". Một ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nhất định chớ có làm.

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, ông biết: "Ý nghiệp này ta muốn làm. Ý nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông nên làm.

Này Rahula, khi Ông đang làm một ý nghiệp, Ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý

ngiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ".

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem lại quả báo đau khổ". Này Rahula, Ông hãy từ bỏ một ý nghiệp như vậy.

Nhưng nếu, này Rahula, khi phản tỉnh Ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đang làm. Ý nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông phải tiếp tục làm.

Sau khi Ông làm xong một ý nghiệp, này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh ý nghiệp ấy như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem lại quả báo đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ". *Một ý nghiệp như vậy, này Rahula, Ông cần phải lo âu, cần phải tâm quý, cần*

phải nhàm chán. Sau khi lo âu, tầm quý, nhàm chán, cần phải phòng hộ trong tương lai.

Còn nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết: "Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, *Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.*

Này Rahula, trong thời quá khứ, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tịnh hóa thân nghiệp, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, đã tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần đã tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa ý nghiệp.

Này Rahula, trong thời vị lai, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sẽ tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh nhiều lần, sẽ tịnh hóa ý nghiệp.

Này Rahula, trong thời hiện tại, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào tịnh hóa thân nghiệp, tịnh hóa khẩu nghiệp, tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa khẩu

nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh
hóa ý nghiệp.

**Do vậy, này Rahula: "Sau khi phản tỉnh nhiều
lần, tôi sẽ tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản
tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau
khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa ý
nghiệp". Như vậy, này Rahula, Ông cần phải tu
học.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula,
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng...

19 GIÁO GIỚI LAHÀULA - 62 Trung II, 183

ĐẠI KINH GIÁO GIỚI LAHÀULA (Maha Rahulovada sutta)

– Bài kinh số 62 – Trung II, 183

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá Ānathapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Tôn giả Rahula vào buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát, đi sau lưng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi đưa mắt ngó xung quanh, bảo Tôn giả Rahula:

– Đây Rahula, bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ: Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta.

– Bạch Thế Tôn, có phải chỉ sắc mà thôi. Bạch Thiện Thệ, có phải chỉ sắc mà thôi?

– Cả sắc, này Rahula; cả thọ, này Rahula; cả tưởng, này Rahula, cả hành, này Rahula; và cả thức, này Rahula.

Rồi Tôn giả Rahula tự nghĩ: "Ai có thể hôm nay được Thế Tôn trực tiếp giảng dạy với bài giáo giới, còn có thể đi vào làng để khát thực? Rồi Tôn giả từ chỗ ấy đi trở lui về, ngồi xuống một gốc cây, kiết già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Tôn giả Sariputta thấy Tôn giả Rahula đang ngồi dưới một gốc cây, kiết- già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Sau khi thấy vậy, Ngài nói với Tôn giả Rahula:

– Nay Rahula, hãy tu tập sự tu tập nhập tức xuất tức niệm (niệm hơi thở vô, hơi thở ra). Nay Rahula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn.

Rồi Tôn giả Rahula, vào buổi chiều, sau khi từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Rahula bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, niệm hơi thở vô hơi thở ra được tu tập như thế nào? Làm cho sung mãn, (pháp môn này) như thế nào là để được quả lớn, được lợi ích lớn?

– Nay Rahula, thế nào là địa giới? Có nội địa giới, có ngoại địa giới. Và nay Rahula, thế nào là nội địa giới? **Cái gì thuộc nội nhân, thuộc cá nhân, kiên cố, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành**

cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ; như vậy, này

Rahula, được gọi là **nội địa giới**. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. **Địa giới ấy phải được quán sát**

như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự là ngã của ta". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Và này Rahula, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Rahula, thế nào là nội thủy giới? **Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đờm, niêm dịch, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ,** như vậy, này Rahula, được gọi là **nội thủy**

giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. **Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau**: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ

như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Rahula, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Rahula, thế nào là nội hỏa giới? **Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ;** này Rahula, như vậy được gọi là **nội hỏa giới**. Những gì thuộc nội hỏa giới, và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Rahula, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Rahula, thế nào là nội phong giới? **Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh**

động, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là **nội phong giới**. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Và này Rahula, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Rahula, thế nào là nội hư không giới? **Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn và được ném, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được uống được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là **nội hư không giới****. Những gì thuộc nội hư không giới và những gì thuộc ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này

không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta,"
Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh
trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hư không
giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như đất**. Này
Rahula, **do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả
ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm
giữ tâm, không có tồn tại**. Này Rahula, ví như trên
đất người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ không tịnh,
quăng phân uest, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng,
quăng mủ và quăng máu; **tuy vậy đất không lo âu,
không dao động, hay không nhàm chán**. Cũng
vậy, này Rahula, hãy tu tập như đất. Này Rahula,
do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không
khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không
có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như nước**. Này
Rahula, do tu tập sự tu tập như nước, các xúc khả
ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ
tâm, không có tồn tại. Này Rahula, **ví như trong
nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ không tịnh, rửa
sạch phân uest, rửa sạch nước tiểu,, rửa sạch nước
miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy nước
không lo âu, không dao động, không nhàm chán**.

Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như
nước... (như trên)... không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như lửa**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ không tịnh, đốt phân uế, đốt nước tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ, đốt máu; tuy vậy lửa không lo âu, không dao động, không nhàm chán.

Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như lửa... (như trên)... không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như gió**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ không tịnh, thổi phân uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mủ, thổi máu, tuy vậy gió không lo âu, không dao động, không nhàm chán. Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như gió... (như trên)... không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập như hư không**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như hư không không bị trú tại một chỗ nào. Cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về lòng từ**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc **sân tâm** sẽ được trừ diệt.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về lòng bi**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc **hại tâm** sẽ được trừ diệt.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về hỷ**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc **bất lạc** sẽ được trừ diệt.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về xả**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc **hận tâm** sẽ được trừ diệt.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về bất tịnh**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về bất tịnh, cái gì thuộc **tham ái** được trừ diệt.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về vô thường**. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về vô thường, cái gì thuộc **ngã mạn** được trừ diệt.

Này Rahula, **hãy tu tập sự tu tập về niệm hơi thở vô hơi thở ra**. Này Rahula, do tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, nên **được quả lớn, được lợi ích lớn**.

Và này Rahula, thế nào là tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn nên được quả lớn, được lợi ích lớn?

Ở đây, này Rahula, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra.

Hay thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài";

Hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn".

"Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô," vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác tâm hành (Cittasankhara), tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập.

"Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập.

"Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, này Rahula, làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn.

Này Rahula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, làm cho sung mãn như vậy, thời khi những hơi thở vô, hơi thở ra tới hậu chấm dứt, chúng được giác tri, không phải không được giác tri.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

20 GIÁO GIỚI NANDAKA - 146 Trung III, 609

KINH GIÁO GIỚI NANDAKA (**Nandakovada suttam**) – *Bài kinh số 146 – Trung III, 609*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Mahapajapati Gotami cùng với khoảng năm trăm Tỷ-kheo-ni đi đến bên Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho Tỷ-kheo-ni! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giảng dạy cho Tỷ-kheo-ni! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni!

Lúc bấy giờ, các Thượng tọa (Trưởng lão) Tỷ-kheo thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Nhưng Tôn giả Nandaka không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Ananda và nói:

– Này Ananda, hôm nay đến phiên ai giáo giới Tỷ-kheo-ni?

– Bạch Thế Tôn, chính là phiên của Nandaka thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nandaka không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni.

Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Nandaka:

– Này Nandaka, hãy giáo giới Tỷ-kheo-ni! Này Nandaka, hãy giảng dạy Tỷ-kheo-ni! Này Bà-la-môn, hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka ấy vâng đáp Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Sau khi khát thực ở Savatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, không có người thứ hai cùng đi, đi đến Rajakarama (Vương Tự). Các Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi đến, sau khi thấy liền sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân. Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, liền rửa chân. Các Tỷ-kheo-ni ấy sau khi đánh lễ Tôn giả Nandaka, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên:

– Các Hiền tử, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết, hãy trả lời: "Tôi biết". Những ai không biết, hãy trả lời: "Tôi không biết". Nếu có ai nghi ngờ hay nghi hoặc, ở đây, ta cần được hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào? Ý nghĩa việc này là gì?"

- Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con (hỏi).
- Các Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? **Mắt** là thường hay vô thường?
- Thưa Tôn giả, vô thường.
- Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?
- Thưa Tôn giả, là khổ.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".?
- Thưa không vậy, Tôn giả.
- Các Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? **Tai** là thường hay vô thường?... Mũi là thường hay vô thường?... **Lưỡi** là thường hay vô thường?.. Thân là thường hay vô thường?... **Ý** là thường hay vô thường?
- Thưa Tôn giả, vô thường
- Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?
- Thưa Tôn giả, là khổ.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".?
- Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn, với chánh trí tuệ rằng: "Sáu nội xứ này là vô thường".

- Lành thay, lành thay, các Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn, với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?
- Thưa Tôn giả, vô thường
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Thưa Tôn giả, là khổ.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".?
- Thưa không vậy, Tôn giả.
- Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? Tiếng là thường hay vô thường? ... Hương là thường hay vô thường?... Vị là thường hay vô thường? Xúc là thường hay vô thường? ... Pháp là thường hay vô thường?
- Thưa Tôn giả, vô thường.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Thưa Tôn giả, là khổ.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"
- Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn, với chánh trí tuệ rằng: "Sáu ngoại xứ này là vô thường".

- Lành thay, lành thay, các Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn, với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? **Nhãn thức** là thường hay vô thường?
 - Thừa Tôn giả, vô thường
 - Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
 - Thừa Tôn giả, là khổ.
 - Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".?
 - Thừa không vậy, Tôn giả.
- Nay các Hiền tử, **nhĩ thức** là thường hay vô thường?
 - Thừa Tôn giả, vô thường.
 - Tỷ thức là thường hay vô thường?
 - Thừa Tôn giả, vô thường.
 - Thân thức là thường hay vô thường?
 - Thừa Tôn giả, vô thường.
 - **Ý thức** là thường hay vô thường?
 - Thừa Tôn giả, vô thường.
 - Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
 - Thừa Tôn giả là khổ.
 - Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"
 - Thừa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây thừa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn,

với chánh trí tuệ rằng: "Sáu thức thân này là vô thường".

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn, với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

Ví như, chư Hiền tử, một ngọn đèn dầu được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; ánh sáng là vô thường, chịu sự biến hoại. Chư Hiền tử, nếu có ai nói rằng: "Ngọn đèn dầu này được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; nhưng ánh sáng ấy là thường còn, thường trú, thường hằng không chịu sự biến hoại";, chư Hiền tử, nói như vậy là có nói chơn chánh không?

– Thừa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Thừa Tôn giả, ngọn đèn dầu này được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc cũng là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa cũng là vô thường, chịu sự biến hoại. Còn nói gì đến ánh sáng, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại!

– Như vậy là phải, này các Hiền tử! Nếu có ai nói như sau: "Sáu ngoại xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này, tôi có cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến

hoại"; này các Hiền tử, người ấy có nói một cách chân chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, do duyên cái này, cái này cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, các Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

Ví như, này các Hiền tử, có cây to lớn đứng thẳng, có lõi cây, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại, với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại, với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại, với bóng cây vô thường, chịu sự biến hoại. Nếu có người nói như sau: "Có cây lớn đứng thẳng có lõi cây này, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại, với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại, với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại, nhưng bóng mát của cây ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu biến hoại"; này các Hiền tử, người ấy có nói một cách chân chánh không?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, cây to lớn đứng thẳng có lõi cây này, có rễ vô thường, chịu sự biến hoại, có thân cây vô thường; chịu sự biến hoại, có cành lá vô thường, chịu sự

biến hoại. Còn nói gì đến bóng mát, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại!

– Như vậy là phải, này chư Hiền tử! Nếu có ai nói như sau: "Sáu nội xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này tôi cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại"; này các Hiền tử, người ấy có nói chân chánh không?

– Thừa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, do duyên cái này, cái này, cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử.

Ví như, này các Hiền tử, một người đồ tể giết bò thiện xảo hay người đệ tử; sau khi giết con bò, cắt con bò với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, mà không hư hại phần thịt ở trong, không hư hại phần da ngoài, rồi với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết mọi dây thịt phía trong; dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong; sau khi cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết và sau khi lột da ngoài, lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy rồi nói: "Con bò này đã được dính liền với

da này như trước"; này các Hiền tử, nói như vậy có nói một cách chơn chánh không? "

– Thừa không, thừa Tôn giả. Vì sao vậy? Dầu cho, thừa Tôn giả, người đồ tể giết bò thiện xảo ấy hay người đồ tể sau khi giết con bò.. (như trên)... lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy lại có thể nói như sau: "Con bò này đã được dính liền với da này như trước, " dầu con bò này đã bị lột ra khỏi da ấy.

– Ta làm ví dụ này, này các Hiền tử, là để nêu rõ ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa này như sau:

Chư Hiền tử, thịt ở trong là đồng nghĩa với sáu nội xứ.

Chư Hiền tử, da ở ngoài là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ,

Chư Hiền tử, dây thịt phía trong, dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong là đồng nghĩa với dục hỷ và tham.

Chư Hiền tử, con dao đồ tể giết bò sắc bén là đồng nghĩa với Thánh trí tuệ. Với Thánh trí tuệ này cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết nội phiền não, nội kiết sử, nội triền phược.

Chư Hiền tử, có bảy giác chi, do tu tập, làm cho sung mãn **bảy giác chi** này, vị Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng tri ngay trong hiện tại với thượng trí; chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Thế nào là bảy? Ở đây, chư Hiền tử, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, y chỉ

viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chư Hiền tử, bảy giác chi này, do tu tập, làm cho sung mãn, Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri ngay trong hiện tại, với thượng trí chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Rồi Tôn giả Nandaka, sau khi giáo giới các Tỷ-kheo ni ấy với lời giáo giới, liền cho giải tán:

– Chư Hiền tử, hãy đi về, giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo ni ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Nandaka dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Nandaka, thân phía hữu hướng về Tôn giả, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang đứng một bên:

– Nay các Tỷ-kheo-ni, hãy đi. Giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, gọi các vị Tỷ-kheo và nói:

– Nay các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bô-tát, ngày mười bốn, quân chúng không có nghi ngờ hay nghi hoặc rằng mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là

tròn vì khi ấy mặt trăng chưa tròn; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dầu cho các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Nandaka, nhưng tâm trí của họ chưa được thỏa mãn.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Nandaka:

– Vậy này Nandaka, ngày mai, Ông sẽ giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni ấy với bài giáo giới.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nandaka, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi (Xá-vệ) để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Savatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, tự thân một mình đi đến Rajarama. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi lại; sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân.

Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ đã soạn sẵn; sau khi ngồi, liền rửa chân. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy đánh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang ngồi một bên:

– Các Hiền tử, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết hãy trả lời: "Tôi biết". Những ai không biết, hãy trả lời "Tôi không biết". Nếu ai có nghi ngờ hay do dự, ở đây, ta cần được hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào?"

" Ý nghĩa việc này là gì?"

– Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con (hỏi)!

– Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào? Mắt là thường hay vô thường?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Những gì vô thường... (như trên.. trang 612 đến trang 620 của kinh này). Hãy đi, này các Tỷ-kheo-ni giờ đã đến rồi.

Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và nói:

– Này các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bô-tát, ngày rằm, quần chúng không có nghi ngờ hay phân vân rằng mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là tròn, vì khi ấy mặt trăng đã tròn; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Tôn giả Nandaka, và tâm tư của họ được thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, trong năm trăm Tỷ-kheo-ni ấy, Tỷ-kheo-ni cuối cùng chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc, và chắc chắn đạt đến chánh giác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

21 GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA - 145 Trung III, 601

KINH GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA (*Punnovada sutta*)

– *Bài kinh số 145 – Trung III, 601*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Punna (Phú-lâu-na), vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt cho con, để con có thể, sau khi nghe Thế Tôn, sống một mình, nhàn tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy này Punna, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Punna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Punna, có **những sắc** do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nếu Tỷ-kheo **hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy**, thời do hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú, **dục hỷ sanh**; và này Punna, **Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ**. Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức; khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú tham đắm, dục hỷ sanh; và này Punna. Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ. Này Punna, **có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn**. Nếu Tỷ-kheo **không hoan hỷ**, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời **dục hỷ diệt**. Này Punna, Ta nói rằng, **từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ**. Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Punna, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

Này Punna, Ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay Ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vắn tắt?

– Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt, có một quốc độ tên là Sunaparanta (Tây Phương Du-na Quốc), con sẽ sống tại đây.

– Này Punna, người nước Sunaparanta là hung bạo. Này Punna, người nước Sunaparanta là thô ác. Này Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta". Bạch

Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy! Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta **lấy các cục đất ném đánh Ông**, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy gậy ném đánh ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.
– Nhưng này Punna... **lấy gậy đánh đập Ông**... Ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập con... " ... Vì rằng họ không lấy đao đánh đập ta" ... Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, ... **lấy đao đánh đập Ông**... Ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy đao đánh đập con.. " ... Vì rằng họ không lấy đao sắc bén đoạt hai mạng ta". Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta **lấy đao sắc bén đoạt hai mạng Ông**... Ông nghĩ thế?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta sẽ lấy dao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: "**Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy**". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Punna! Này Punna, Ông có thể sống trong nước Sunaparanta, khi Ông có được đầy đủ **sự nhiếp phục và an tịnh** này. Này Punna, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Punna, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunaparanta. Tiếp tục du hành, (Tôn giả Punna) đi đến nước Sunaparanta. Tại đây, Tôn giả Punna sống trong nước Sunaparanta.

Rồi Tôn giả Punna nội trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Punna mệnh chung.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện nam tử Punna ấy, sau khi được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy là thế nào?

– Này các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp. Này các Tỷ-kheo, **Thiện nam tử Punna đã nhập Niết-bàn.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

22 GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT - 31

Trường II, 529

KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT (SINGALOVADA SUTTANTA) – Bài kinh số 31 – Trường II, 529

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn sống ở Rājagaha (Vương Xá thành), tại Veluvana (Trúc Lâm), Kalandakanivāpa (chỗ tìm ăn của loài sóc). Lúc bấy giờ, Singālaka (Thi-ca-la-việt), gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Hạ, hướng Thượng.

2. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Vương Xá khát thực. Thế Tôn thấy Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Hạ, hướng Thượng. Thấy vậy Ngài nói với Singālaka, gia chủ tử:

- Này Gia chủ tử, vì sao Ngươi dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt

chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông...
hướng Thượng?

- Bạch Thế Tôn, thân phụ con khi gần chết có dặn con: " Này con thân yêu, hãy đánh lễ các phương hướng ". Bạch Thế Tôn, con kính tín, cung kính, tôn trọng, đánh lễ lời nói của thân phụ con, buổi sáng dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông... hướng Thượng.

- **Này Gia chủ tử, trong luật pháp của bậc Thánh, lễ bái sáu phương không phải như vậy.**

- Bạch Thế Tôn, trong luật pháp của bậc Thánh, thế nào là lễ bái sáu phương? Bạch Thế Tôn, trong luật pháp của bậc Thánh, đánh lễ sáu phương phải như thế nào? Lành thay! Thế Tôn hãy giảng pháp ấy cho con!

- Này Gia chủ tử, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Singàlaka, gia chủ tử vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

3. - Này Gia chủ tử, đối với vị Thánh đệ tử, bốn nghiệp phiền não được diệt trừ, không làm ác nghiệp theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản. Vị này, do từ bỏ mười bốn ác pháp, trở thành vị che chở sáu phương; vị này đã thực hành để chiến thắng hai

**đời, vị này đã chiến thắng đời này và đời sau.
Sau khi thân hoại mạng chung, vị này sanh ở
thiện thú, Thiên giới.**

**Thế nào là bốn nghiệp phiền não đã được diệt
trừ? Nay Gia chủ tử, đó là nghiệp phiền não sát
sanh, nghiệp phiền não trộm cắp, nghiệp phiền não
tà dâm, nghiệp phiền não nói láo.** Bốn nghiệp phiền
não này đã được trừ diệt.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

4. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại
giảng thêm:

*Sát sanh và trộm cắp,
Nói láo, lấy vợ người,
Kẻ trí không tán thán,
Những hạnh nghiệp như vậy.*

**5. Thế nào là không làm ác nghiệp theo bốn lý
do? Ác nghiệp làm do tham dục, ác nghiệp làm do
sân hận, ác nghiệp làm do ngu si, ác nghiệp làm do
sợ hãi.** Nay Gia chủ tử, vì vị Thánh đệ tử không
tham dục, không sân hận, không ngu si, không sợ
hãi, nên không làm ác nghiệp theo bốn lý do.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

6. Thiện Thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại
giảng thêm:

*Ai phản lại Chánh pháp,
Vĩ tham, sân, bố, si,*

*Thanh danh bị sút mẻ
Như mặt trăng đêm khuyết.
Ai không phản Chánh pháp,
Vì tham, sân, bố, si,
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng đêm đầy.*

7. Thế nào là không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản?

Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản.
Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản.
La cà đình đám hí viện là nguyên nhân phung phí tài sản.
Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản.
Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản.
Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản.

8. Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm:

Tài sản hiện tại bị tổn thất,
Đấu tranh tăng trưởng,
Bệnh tật dễ xâm nhập,
Thương tổn danh dự,
Để lộ âm tàng,
Và thứ sáu là trí lực tổn hại.

Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.

9. Này Gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm:

Tự mình không được che chở hộ trì,
Vợ con không được che chở hộ trì,
Tài sản không được che chở hộ trì,
Bị tình nghi là tác giả các ác sự,
Nạn nhân các tin đồn thất thiệt,
Tự rước vào thân nhiều khổ não.

Này Gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm như vậy.

10. Này Gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy hiểm:

Luôn luôn tìm xem chỗ nào có múa, chỗ nào có ca,
chỗ nào có nhạc, chỗ nào có tán tụng, chỗ nào có
nhạc tay, chỗ nào có trống.

Này Gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy hiểm như vậy.

11. Này Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm:

Nếu thắng thì sanh oán thù,
Nếu thua thì tâm sanh sầu muộn,
Tài sản hiện tại bị tổn thất,
Tại hội trường (pháp đình) lời nói không hiệu lực,
Bằng hữu đồng liêu khinh miệt,

Vấn đề cưới gả không được tín nhiệm vì người đam mê cờ bạc không xứng để có vợ.

Này Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm như vậy.

12. Này Gia chủ tử, thân cận các ác hữu có sáu nguy hiểm:

Những kẻ cờ bạc, loạn hành, nghiện rượu, những kẻ trá ngụy, lường gạt, bạo động là những người bạn, là những thân hữu của người ấy.

Này Gia chủ tử, thân cận ác hữu có sáu nguy hiểm như vậy.

13. Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm:

"quá lạnh", không làm việc;
"quá nóng", không làm việc;
"quá trễ" không làm việc;
"quá sớm", không làm việc;
"tôi đói quá", không làm việc;
"tôi quá no", không làm việc.

Trong khi những công việc phải làm lại không làm. Tài sản chưa có không xây dựng lên, tài sản có rồi bị tiêu thất. Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm như vậy. Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

14. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

Có bạn gọi bạn rượu,

*Có bạn, bạn bằng mồm,
Bạn lúc thật hữu sự,
Mới xứng danh bạn bè.*

*Ngủ ngày, thông vợ người,
Ưu đấu tranh, làm hại,
Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự nã hại người.*

*Ác hữu, ác bạn lữ,
Ác hạnh, hành ác xứ,
Đời này cả đời sau,
Hai đời, người bị hại.*

*Cờ bạc và đàn bà,
Rượu chè, múa và hát
Ngủ ngày, đi phi thời
Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự nã hại người.*

*Chơi xúc xắc, uống rượu
Theo đuổi đàn bà người,
Lẽ sống của người khác,
Thân cận kẻ hạ tiện,
Không thân cận bậc trí,
Người ấy tự héo mòn,
Như trăng trong mùa khuyết.*

*Rượu chè không tiền của,
Khao khát, tìm tẩu điểm,
Bị chìm trong nợ nần,
Như chìm trong bồn nước,
Mau chóng tự hại mình,
Như kẻ mất gia đình.*

*Ai quen thói ngủ ngày,
Thức trợn suốt đêm trường,
Luôn luôn say sướt mướt,
Không thể sống gia đình.*

*Ở đây ai hay than:
Ôi quá lạnh, quá nóng,
Quá chiều, quá trễ giờ,
Sẽ bỏ bê công việc.
Lợi ích, điều tốt lành,
Bị trôi dạt một bên.*

*Ai xem lạnh và nóng,
Nhẹ nhàng hơn cỏ lau,
Làm mọi công chuyện mình,
Hạnh phúc không từ bỏ.*

15. Nay Gia chủ từ, có **bốn hạng người phải xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:**

Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải
bạn, dầu tự cho là bạn;

Người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải
bạn, dầu tự cho là bạn;

Người khéo nịnh hót phải được xem không phải
bạn, dầu tự cho là bạn;

Người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải
bạn, dầu tự cho là bạn.

16. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Người vật gì cũng lấy,

Cho ít xin nhiều,

Vì sợ mà làm,

Làm vì mưu lợi cho mình.

Nay Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

17. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Tỏ lộ thân tình việc đã qua;

Tỏ lộ thân tình việc chưa đến;

Mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ;

Khi có công việc, tự tỏ sự bất lực của mình.

Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

18. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Đồng ý các việc ác;

Không đồng ý các việc thiện;

Trước mặt tán thán;

Sau lưng chỉ trích.

Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

19. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

Là bạn khi mình đam mê các loại rượu;

Là bạn, khi mình du hành đường phố phi thời;

Là bạn khi mình la cà đình đám hý viện;

Là bạn khi mình đam mê cờ bạc.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

20. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

Người bạn gì cũng lấy,

Người bạn chỉ nói giỏi,

*Người nói lời nịnh hót,
Người tiêu pha xa xỉ.
Cả bốn, không phải bạn,
Biết vậy, người trí tránh,
Như đường đầy sợ hãi.*

21. Đây Gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật:

Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật;
Người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật;
Người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật;
Người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật.

22. Đây Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật:

Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật,
Che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật,
Là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi,
Khi bạn có công việc sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn thiếu.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là người bạn chân thật.

23. Đây Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật:

Nói cho bạn biết điều bí mật của mình;
Giữ gìn kín điều bí mật của bạn;
Không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn;
Dám hy sinh thân mạng vì bạn.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật.

24. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật:

Ngăn chặn bạn không làm điều ác;
Khuyến khích bạn làm điều thiện;
Cho bạn nghe điều bạn chưa nghe;
Cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật.

25. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật:

Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn;
Hoan hỷ khi bạn gặp may mắn;
Ngăn chặn những ai nói xấu bạn;
Khuyến khích những ai tán thán bạn.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.
26. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại
giảng thêm:

*Bạn sẵn sàng giúp đỡ,
Bạn chung thủy khổ vui,
Bạn khuyến khích lợi ích,
Bạn có lòng thương tưởng.*

*Biết rõ bốn bạn này,
Người trí phục vụ họ,
Như mẹ đối con ruột.*

*Người trí giữ giới luật,
Sáng như lửa đôi cao.
Người tích trữ tài sản,
Như cử chỉ con ong.*

*Tài sản được chồng chất,
Như ụ mối đùn cao,
Người cư xử như vậy,
Chất chứa các tài sản,
Vừa đủ để lợi ích
Cho chính gia đình mình.*

***Tài sản cần chia bốn**
Để kết hợp bạn bè:
Một phần mình an hưởng,
Hai phần dành công việc,*

***Phản tư, phản để dành,
Phòng khó khăn hoạn nạn.***

27. Nay Gia chủ tử, vị Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào? Nay Gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau:

Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ.

Phương Nam cần được hiểu là sư trưởng.

Phương Tây cần được hiểu là vợ con.

Phương Bắc cần được hiểu là bạn bè.

Phương Dưới cần được hiểu là tôi tớ, lao công.

Phương Trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn.

28. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phương Đông:

"Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ;

Tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ;

Tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống;

Tôi bảo vệ tài sản thừa tự;

Tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời".

Nay Gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phương Đông, theo năm cách như vậy.

Cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách:

Ngăn chặn con làm điều ác;

Khuyến khích con làm điều thiện;

Dạy con nghề nghiệp,

Cưới vợ xứng đáng cho con;

Đúng thời trao của thừa tự cho con.
Này Gia chủ tử, như vậy là cha mẹ được con phụng
dưỡng như phương Đông theo năm cách và cha mẹ
có lòng thương tưởng con theo năm cách.

Như vậy phương Đông được che chở, được trở
thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

29. Này Gia chủ tử, có năm cách, đệ tử phụng
dưỡng các bậc sư trưởng như phương Nam:

Đứng dậy để chào,

Hầu hạ thầy,

Hăng hái học tập,

Tự phục vụ thầy,

Chú tâm học hỏi nghề nghiệp.

Này Gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như
phương Nam theo năm cách như vậy.

Các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ
tử theo năm cách:

Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn
luyện;

Dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì;

Dạy cho thuần thục các nghề nghiệp;

Khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc;

Bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt.

Này Gia chủ tử, như vậy là bậc sư trưởng được đệ
tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách
và sư trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo
năm cách.

Như vậy phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

30. Nay Gia chủ tử, có năm cách, người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây:

Kính trọng vợ,
Không bắt kính đối với vợ;
Trung thành với vợ;
Giao quyền hành cho vợ;
Sắm đồ nữ trang với vợ;

Này Gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy.

Người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách:

Thi hành tốt đẹp bốn phận của mình;
Khéo tiếp đón bà con;
Trung thành với chồng;
Khéo gìn giữ tài sản của chồng;

Khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc.
Này Gia chủ, người vợ được người chồng đối xử như phương Tây theo năm cách.

Như vậy phương Tây được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

31. Nay Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc:

Bố thí,
Ai ngữ,
Lợi hành,

Đồng sự,
Không lường gạt.

Này Gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như
phương Bắc theo năm cách như vậy. Ban bè có
lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách:

Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng;
Bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng
túng;

Trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp
nguy hiểm;

Không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn;
Kính trọng gia đình của vị thiện nam tử.

Như vậy các bạn bè được vị thiện nam tử đối xử
như phương Bắc theo năm cách và bạn bè có lòng
thương vị thiện nam tử theo năm cách.

Như vậy phương Bắc được che chở, được trở thành
an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

32. Này Gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ
nhân đối xử với hạng nô bộc như phương Dưới:

Giao việc đúng theo sức lực của họ;

Lo cho họ ăn uống và tiền lương;

Điều trị cho họ khi bệnh hoạn;

Chia xẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ;

Thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép.

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được Thánh chủ
nhân đối xử như phương Dưới với năm cách như

kia, có lòng thương đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau:

Dậy trước khi chủ dậy;

Đi ngủ sau chủ;

Tự bằng lòng với các vật đã cho;

Khéo làm các công việc;

Đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ.

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được vị Thánh chủ nhân đối xử như phương Dưới với năm cách, có lòng thương đối với Thánh chủ nhân theo năm cách. Như vậy phương Dưới được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

33. Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phương Trên:

Có lòng từ trong hành động về thân;

Có lòng từ trong hành động về khẩu;

Có lòng từ trong hành động về ý;

Mở rộng cửa để đón các vị ấy;

Cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết.

Này Gia chủ tử, các vị Bà-la-môn, Sa-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương Trên theo năm cách như vậy, có lòng thương vị thiện nam tử ấy theo năm cách sau đây:

Ngăn họ không làm điều ác;

Khuyến khích họ làm điều thiện;

Thương xót họ với tâm từ bi,

Dạy họ những điều chưa nghe, Làm cho thanh tịnh
điều đã được nghe;

Chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời.

Này Gia chủ tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn được
thiện nam tử đối xử như phương Trên với năm
cách, có lòng thương thiện nam tử theo năm cách.

Như vậy phương Trên được che chở, được trở
thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

34. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại
giảng thêm:

*Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Vợ chồng là phương Tây,
Bạn bè là phương Bắc,
Nô bộc là phương Dưới,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Có nghĩa là phương Trên.*

*Cư sĩ vì gia đình,
Đảnh lễ phương hướng ấy.
Kẻ trí giữ giới, Luật,
Tù tốn và biện tài,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Dậy sớm không biếng nhác,
Bất động giữa hiểm nguy,*

*Người hiền, không phạm giới,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Nhiếp chúng, tạo nên bạn,
Từ ái, tâm bao dung,
Dẫn đạo, khuyến hóa đạo,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành bất cứ ai,
Đồng sự trong mọi việc,
Theo trường hợp xử sự.*

*Chính những nhiếp sự này,
Khiến thế giới xoay quanh,
Như bánh xe quay lăng,
Vòng theo trục xe chính.*

*Nhiếp sự này vắng mặt,
Không có mẹ hưởng thọ,
Hay không cha hưởng thọ,
Sự hiếu kính của con.*

*Do vậy bậc có trí,
Đối với nhiếp pháp này,
Như quán sát chấp trì,
Nhờ vậy thành vĩ đại,*

Được tán thán, danh xưng.

35. Khi được nghe vậy, Singàlaka, gia chủ tử bạch Thế Tôn:

- "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ này trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

23 GIÚP ĐỠ NHIỀU - Tăng II, 735

GIÚP ĐỠ NHIỀU – *Tăng II, 735*

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy.

2. Thế nào là năm?

- Có giới... và học tập trong các pháp;
- Nghe nhiều... khéo thành tựu nhờ chánh kiến;
- Vị ấy sửa chữa những gì bị gãy, bị hủy hoại.
- Khi đại chúng Tỷ-kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy nói với các gia chủ đi đến như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau. Các vị hãy làm các phước đức. Nay là thời làm các phước đức";
- Chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn Thiên, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy.

24 GIẢI THOÁT CẢ HAI PHẦN - Tăng IV, 219

GIẢI THOÁT CẢ HAI PHẦN – Tăng IV, 219

1. – (Tôn giả Udàyyi nói với Tôn giả Ānanda)

"Giải thoát cả hai phần, giải thoát cả hai phần", này Hiền giả, được nói đến. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến?

2. - Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú **sơ Thiền**. Như thế nào, như thế nào, **sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy; với trí tuệ, vị ấy rõ biết**. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến với pháp môn.

Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... **Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư...**

... chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ...**

... chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ...**

... chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ ...**

... chúng đạt và an trú **Phi tướng phi phi tướng xứ** ...

3. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng đạt và an trú **Diệt thọ tướng định**; sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được diệt trừ. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy; với trí tuệ, vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy, này Hiền giả, tuệ giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

25 GIẢI THOÁT XỨ - Tăng II, 335

GIẢI THOÁT XỨ – Tăng II, 335

1. - Có năm giải thoát xứ này, này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, thời tâm chưa được đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

2. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo.

- Tùy theo bậc Đạo Sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị Tỷ-kheo **tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp** trong pháp ấy.
- Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp, nên hân hoan sanh.
- Do hân hoan, nên hỷ sanh.
- Do ý hoan hỷ, thân được khinh an.
- Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ.
- Do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Đây là giải thoát xứ thứ nhất; ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt tới.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Và vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan sanh nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ hai, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được

nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo đọc tụng pháp như vậy, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, một cách rộng rãi như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ ba, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư, không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng một cách rộng rãi cho người khác. Vị ấy không đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thuộc lòng. Nhưng vị ấy với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, do với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp, nên hân hoan sanh. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ tư, ở đây vị

Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không đọc tụng pháp ấy một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã học thuộc lòng. Nhưng vị ấy khéo nắm giữ một định tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thông đạt với trí tuệ như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ năm, ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

7. Có năm giải thoát xứ này, này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tính cần, thời tâm chưa giải thoát, hay các lậu hoặc chưa đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

26 GIẶC CUỚP - Tăng I, 274

GIẶC CUỚP – Tăng I, 274

- ❖ Do đầy đủ ba điều kiện, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp trộm một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp.

Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm, dựa vào kẻ có quyền lực.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào quanh co hiểm trở?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào con sông khó lội qua, hay sự quanh co hiểm trở của núi non. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào rừng rậm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào rừng rậm cỏ, hay rừng rậm cây, hay khóm rừng, hay đám rừng lớn rậm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào rừng rậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào vua hay các vị đại thần của vua và nghĩ như sau: "Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy hay các vị đại thần của vua ấy sẽ giải thích, cứu thoát ta". Và thực sự là như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực.

Do đây đủ ba điều kiện này, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp trộm một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp.

❖ Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ác Tỷ-kheo đầy đủ ba pháp, tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo dựa vào quanh co hiểm trở, dựa vào rừng râm và dựa vào kẻ có quyền lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào sự hiểm trở?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo đầy đủ với thân hành quanh co hiểm trở, với ngữ hành quanh co hiểm trở, với ý hành quanh co hiểm trở. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào quanh co hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo **có tà kiến, đầy đủ những tri kiến đi đến cực đoan**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, dựa vào các vua hay các đại thần của vua, ác Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy, hay các đại thần của vua ấy sẽ giải thích, cứu thoát ta". Và thực sự là như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền lực.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

27 GIỚI - Tăng II, 492

GIỚI – Tăng II, 492

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo Trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh **được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.**

2. Thế nào là năm?

- Có **giới**, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhiệm, chấp nhận và học tập các học pháp,
- **Nghe nhiều**, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩ, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến;
- **Thiện ngôn** dùng lời thiện ngôn, lời nói tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác,

- Chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức **bốn Thiên**, thuộc tăng thượng tâm, đem đến hiện tại lạc trú.
- Do **đoạn tận các lậu hoặc**, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chúng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương đề tu tập.

28 GIỚI - Tăng II, 526

GIỚI – Tăng II, 526

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

2. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đầy đủ giới,
- Đầy đủ định,
- Đầy đủ tuệ,
- Đầy đủ giải thoát,
- Đầy đủ giải thoát tri kiến.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

29 GIỚI PHÂN BIỆT - 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT

(**Dhatuvibhanga sutam**)

– *Bài kinh số 140 – Trung III, 541*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà thợ gồm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gồm Bhaggava:

- Nay Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.
- Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gồm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati; sau khi đến nói với Pukkusati:

- Nay Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.
- Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gồm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: **"Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy"**. Rồi Thế Tôn nói với

Tôn giả Pukkusati:

– *Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?*

– Thưa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thưa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thừa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

- Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.
- Thừa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– *Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành, bốn thắng xứ, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy đồ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.*

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu giới**", do duyên gì được nói đến như vậy? Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có sáu xúc xứ**", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ,

thân xúc xú, ý xúc xú. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có mười tám ý hành**", do duyên gì được nói đến như vậy? **Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả**, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương.. lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có bốn thắng xú**", do duyên gì được nói đến như vậy? **Tuê thắng xú, đế thắng xú, huệ thí thắng xú, tịch tịnh thắng xú**. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy? **Thế nào là không buông lung trí tuệ?** Có sáu giới này: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thân, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. *Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới.

Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp

thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh đông, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là **nội phong giới**. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm tư từ bỏ phong giới. Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và đây Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tổng xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Đây Tỷ-kheo, như vậy được gọi là **nội hư không giới**.

Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.

Này Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi

lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vị ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng.** *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kèm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật*

kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. Người ấy tuê tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". ***Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri:*** "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.

Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.

Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "**Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương**".

Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt...

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương". Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **TUỆ THẮNG XỨ** này.

Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là **tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ**.

Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không

thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh đế**, tức là **Niết-bàn**, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh huệ thí**, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phần nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng

xứ. Nay Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tịch
tịnh, tức là sự tịch tịnh tham sân si.

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy
hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí,
hãy tu học tịch tịnh**", chính do duyên này được
nói đến như vậy.

*Khi được nói đến "**Khi được an trú, vọng tưởng
không có chuyển động. Khi vọng tưởng không
chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch
tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

"Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng",
như vậy là vọng tưởng.

Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là
cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, **khi
vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là
tịch tịnh.**

Nhưng này Tỷ-kheo, **vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh,
không già, không có dao động, không có hy cầu.**
Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo,

không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được?

Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tĩnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của
Ta về sáu giới.

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: **"Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!"** Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Này Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thì chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông.

Vì rằng này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia

nam tử Pukkusati, sau khi đoạn trừ năm hạ phần
kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn,
không phải trở lui đời ấy nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

30 GOPAKA MOGGALLANA - 108

Trung III, 119

KINH GOPAKA MOGGALLANA (Gopaka Moggallana suttam)

– Bài kinh số 108 – Trung III, 119

Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda trú ở Rajagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc, khi Thế Tôn thị tịch không bao lâu. Lúc bấy giờ, Vua Ajatasattu con bà Videhi nước Magadha (Ma-kiệt-đà), vì nghi ngờ Pajjota (Đặng Quang Vương), nên cho xây kiên cố thành Rajagaha. Tôn giả Ananda buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rajagaha để khát thực. Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để vào Rajagaha khát thực. Vậy ta hãy đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallana và chỗ làm việc của vị này".

Rồi Tôn giả Ananda đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallana và chỗ làm việc của vị này. Bà-la-môn Gopaka Moggallana thấy Tôn giả Ananda từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Ananda:
– Hãy đến, Tôn giả Ananda! Thiện lai, Tôn giả Ananda! Đã lâu rồi Tôn giả Ananda mới tạo được

ơ hội này, tức là đến đây. Tôn giả Ananda hãy
ngồi xuống, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ananda ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn
sẵn. Còn Bà-la-môn Gopaka Moggallana chọn một
chỗ ngồi thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi
xuống một bên, Bà-la-môn Gopaka Moggallana
thưa với Tôn giả Ananda:

*– Có thể chăng, một Tỷ-kheo thành tựu một cách
trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn
giả Gotama bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã
thành tựu?*

**– Không thể có một Tỷ-kheo, này Bà-la-môn,
thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ
tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán,
Chánh Đẳng Giác đã thành tựu.** Này Bà-la-môn,
Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây
chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước
đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước
đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và
thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử là những vị sống
hành đạo và tùy hành, và sẽ thành tựu (những pháp
ấy) về sau.

Nhưng cuộc nói chuyện giữa Tôn giả Ananda và
Bà-la-môn Gopaka Moggallana bị gián đoạn. Bà-la-
môn Vassaka ra bậc đại thần nước Magadha đi thị
sát các công sự Rajagaha (Vương Xá), đến công
trường của Bà-la-môn Gopaka Moggallana, đến chỗ

Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassaka ra, bậc đại thần nước Magadha thưa với Tôn giả Ananda:

– Ở đây, thưa Tôn giả Ananda, Tôn giả đang ngồi đàm luận câu chuyện gì? Và câu chuyện gì của Tôn giả bị gián đoạn?

– Này Bà-la-môn, ở đây, Bà-la-môn Gopaka Moggallana nói với tôi như sau: "Có thể có chăng, Tôn giả Ananda, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu?" Khi được nói vậy, này Bà-la-môn, tôi nói với Bà-la-môn Gopaka Moggallana như sau: "Này Bà-la-môn, không thể có một vị Tỷ-kheo nào thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau".

– *Thưa Tôn giả Ananda, có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này"?*

– *Này Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông sẽ y chỉ vị này".*

– *Thưa Tôn giả Ananda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và một số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này?"*

– *Không có một vị Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này".*

– *Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa Tôn giả Ananda, như vậy do nhân gì (Quý vị) có thể hòa hợp?*

– *Này Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Này Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và **Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi.***

– Khi được hỏi: "Có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này?"", Tôn giả trả lời: "Này Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông", và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này".

Khi được hỏi: "Có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và một số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, các Ông nay sẽ y chỉ vị này". Và Tôn giả trả lời: "Không có một vị Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này".

Khi được hỏi: "Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa Tôn giả Ananda, như vậy do nhân gì, (Quý vị) có thể hòa hợp?". Tôn giả trả lời: "Này Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Chúng tôi có chỗ nương tựa này Bà-la-môn, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi".

Nhưng thưa Tôn giả Ananda, ý nghĩa lời nói này cần phải hiểu như thế nào?

– Này Bà-la-môn, Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thi thiết học

pháp, đã tuyên bố giới bốn Patimokkha cho các Tỷ-kheo. Trong những ngày Bố-tát (Upasatha) chúng tôi cạo tóc ở chung một thôn điền, tất cả chúng tôi hội họp với nhau tại một chỗ; sau khi tụ họp, chúng tôi hỏi những gì đã xảy ra cho mỗi một người. ***Nếu trong khi hỏi nhau như vậy, có Tỷ-kheo phạm tội, phạm giới, chúng tôi bảo vì ấy làm đúng Pháp, đúng lời dạy. Thật vậy, không phải các Tôn giả xử sự chúng tôi, chính pháp xử xử chúng tôi.***

– Thưa Tôn giả Ananda, có Tỷ-kheo nào mà nay Quý vị cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, sau khi cung kính, tôn trọng, Quý vị nương tựa?

– Nay Bà-la-môn, có Tỷ-kheo mà nay chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, và sau khi chúng tôi cung kính, tôn trọng, chúng tôi nương tựa.

– Thưa Tôn giả Ananda, khi được hỏi: "Có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: "Sau khi Ta diệt độ, vị này sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông và các Ông nay sẽ y chỉ vị này?"". Và Tôn giả trả lời: "Nay Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông", và chúng tôi nay y chỉ vị này". Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Ananda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận, được một số đông Tỷ-kheo Trưởng lão

sắp đặt: "Vị này sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi và các Ông nay sẽ y chỉ vị này", và Tôn giả trả lời: "Không có một Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận, được một số đông Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: "Vị này sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi", và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này". Khi được hỏi: "Có một Tỷ-kheo nào, thừa Tôn giả Ananda, nay quý vị cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường vị ấy và sau khi cung kính, tôn trọng, quý vị an trú nương tựa vị ấy?", và Tôn giả trả lời: "Này Bà-la-môn, có Tỷ-kheo, chúng tôi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường và sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú nương tựa vị ấy". *Thưa Tôn giả Ananda, ý nghĩa lời nói ấy cần phải hiểu như thế nào?*

– Này Bà-la-môn, có mười khả hỷ pháp được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Giữa chúng tôi, vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị ấy; sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

Thế nào là mười?

Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm

trong những lỗi nhỏ nhặt, sau khi thọ trì, học tập
trong các học pháp.

Vị ấy là bậc đa văn, thọ trì những điều đã nghe, cất
chứa những điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện,
trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn, nói lên
Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những
pháp ấy đều được nghe nhiều, được thọ trì, được lời
nói làm cho quen thuộc, được ý tư niệm, được
chánh kiến khéo ngộ nhập.

Vị ấy biết đủ đối với các vật thực dụng như y, đồ ăn
khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Vị ấy là người tùy theo ý muốn, không có khó
khăn, không có mệt nhọc, chứng được bốn Thiền,
thuộc tăng thượng tâm hiện tại lạc trú.

Vị ấy thực hiện các loại thần thông sai biệt, một
thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân,
hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường,
qua núi, như đi ngang hư không; độn thổ trời lên
ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước
không chìm như trên đất liền; ngồi kiết- già đi trên
hư không như chim có cánh; với bàn tay, vị ấy
chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại
oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến
Phạm thiên.

Sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người
với tâm của mình, vị ấy được biết như sau: Tâm có
tham, biết tâm có tham. Tâm không tham, biết tâm

không tham. Tâm có sân, biết tâm có sân. Tâm không sân, biết tâm không sân. Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không si, biết tâm không si. Tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết tâm tán loạn. Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm, biết không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết tâm vô thượng. Tâm Thiền định, biết tâm Thiền định. Tâm không Thiền định, biết tâm không Thiền định. Tâm giải thoát, biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.

(Vị ấy) nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ đến các đời sống quá khứ.

Vị ấy với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với sự đoan diệt các lậu hoặc, sau khi với thượng trí đã chứng ngộ, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này Bà-la-môn, mười pháp khả hỷ này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên giữa chúng tôi. Vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn

trọng, đành lễ, cúng dường vị ấy; sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, (Vũ Thế) đại thần nước Magadha, nói với tướng quân

Upananda:

– Tướng quân nghĩ thế nào? Nếu là như vậy, này tướng quân, những vị Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường; thời chắc chắn những Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường. Và nếu những Tôn giả ấy không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường (Tỷ-kheo) này, thời những Tôn giả ấy cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ai?

Rồi Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha thưa với Tôn giả Ananda:

– Tôn giả Ananda nay trú tại đâu?

– Này Bà-la-môn, tôi trú ở Veluvana (Trúc Lâm).

– Thưa Tôn giả Ananda, có phải Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh?

– Thật vậy, này Bà-la-môn, Veluvana (Trúc Lâm) là một khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa cách dân cư đông đúc, thích hợp Thiền

tĩnh, xứng đáng với những vị hộ trì và thủ hộ như Ngài.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ananda, Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh, xứng đáng với những người tu Thiền và tánh thiện về Thiền định như quý vị Tôn giả. Và chư vị Tôn giả là những vị tu Thiền và tánh thiện về Thiền định. Thưa Tôn giả Ananda, một thời Tôn giả Gotama ở tại Vesali, Đại Lâm, ở Kutagarasala (Trùng Các giảng đường). Rồi thưa Tôn giả Ananda, tôi đi đến Mahavana (Đại Lâm), Kutagarasala, đến Tôn giả Gotama. Ở đấy, Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện nói về Thiền định luận. Tôn giả Gotama thật là vị tu Thiền và tánh thiện về Thiền định. Và Tôn giả Gotama tán thán tất cả Thiền định.

– Nay Bà-la-môn, **Thế Tôn ấy không tán thán tất cả Thiền định**, không không tán thán tất cả Thiền định.

Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy không tán thán?

Ở đây, này Bà-la-môn, một số vị sống với tâm đắm nhuần dục tham, bị dục tham chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi dục tham đã được khởi lên. Vị ấy lấy dục tham làm đối tượng tối hậu. Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

Vị ấy sống với tâm tham nhuần sân hận, bị sân hận chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi sân hận đã được khởi lên. Vị ấy lấy sân hận làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

Vị ấy sống với tâm tham nhuần hôn trầm thụy miên, bị hôn trầm thụy miên chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi hôn trầm thụy miên đã được khởi lên. Vị ấy lấy hôn trầm thụy miên làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

Vị ấy sống với tâm tham nhuần trạo hối, bị trạo hối chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi trạo hối đã được khởi lên. Vị ấy lấy trạo hối làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

Vị ấy sống với tâm tham nhuần nghi hoặc, bị nghi hoặc chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi nghi hoặc đã được khởi lên. Vị ấy lấy nghi hoặc làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

Này Bà-la-môn, Thế Tôn ấy không tán thán loại Thiền định như vậy.

Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy tán thán?

Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Diệt tâm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm

Chứng và trú Thiền thứ ba, Thiền thứ tư. Này Bà-la-môn, loại Thiền như vậy, Thế Tôn ấy tán thán.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ananda, Tôn giả Gotama khiển trách Thiền đáng được khiển trách, tán thán Thiền đáng được tán thán. Nay thưa Tôn giả Ananda, chúng tôi phải đi. Chúng tôi có những việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Này Bà-la-môn, hãy làm gì Bà-la-môn nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ananda giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Bà-la-môn Gopaka Moggalana, khi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha đi không bao lâu, thưa với Tôn giả Ananda:

– Nếu chúng tôi không hỏi Tôn giả Ananda thời Tôn giả Ananda đã không trả lời.

– Này Bà-la-môn, có phải chúng tôi đã nói với Ông: **"Không có một Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, thành tựu mười pháp ấy một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ, những pháp mà Thế Tôn, bậc A-**

la-hán, Chánh Đăng Giác đã thành tựu. *Này Bà-la-môn, vị Thế Tôn ấy là bậc làm cho khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau".*

31 GULISSANI - 69 Trung II, 281

KINH GULISSANI

– Bài kinh số 69 – Trung II, 281

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Gulissani là vị sống tại rừng núi, hành động thô tháo đã đến giữa Tăng chúng do một vài công vụ. Ở đây, Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) nhân vì Tỷ-kheo

Gulissani, bảo các Tỷ-kheo:

– Nay chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng phải biết tôn trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh. Nay chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng không biết tôn

trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, nay Tôn giả ấy lại không tôn trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh!" Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng, phải biết tôn trọng cung kính các đồng Phạm hạnh.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, **phải biết khéo léo về chỗ ngồi**, nghĩ rằng: "Ta sẽ ngồi, không có chiếm lấy (chỗ ngồi) các Thượng tọa Tỷ-kheo, không có trục xuất chỗ ngồi của các niên thiếu Tỷ-kheo. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, không biết khéo xử về chỗ ngồi, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "*Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại không biết hành động như pháp!*" Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng phải biết khéo xử về chỗ ngồi.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo, sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, **không nên vào làng quá sớm và trở về ban ngày**. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chư Tăng, nếu vào làng quá sớm và trở về ban ngày, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "*Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại vào làng quá sớm và trở về ban ngày*". Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng không nên vào làng quá sớm, và trở về ban ngày.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo, sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, không nên đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: *"Có phải Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, lại đi phí thời giờ quá nhiều, và xử sự như vậy đối với chúng Tăng?"* Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, không nên đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng không nên trạo cử, dao động. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng mà trạo cử, dao động, thời sẽ có người nói về vị ấy như sau: *"Có phải Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích, lại trạo cử, dao động quá nhiều và xử sự như vậy đối với chúng Tăng?"* Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, không nên trạo cử, dao động.

Này Chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng, không nên nói nhiều lời và nói tap nhap. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng

núi đến trú giữa chúng Tăng, nói nhiều lời và nói tạp nhạp thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: *"Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại nói nhiều lời và nói tạp nhạp!"* Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng không nên nói nhiều lời và nói tạp nhạp.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng, phải là người dễ nói và là người thiện hữu. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tăng là người khó nói và là người ác hữu, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau:

"Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại khó nói và là người ác hữu!" Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tăng, phải là người dễ nói và là người thiện hữu.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thủ hộ các căn. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không thủ hộ các căn, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: *"Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại không thủ hộ các căn!"* Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do

vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thủ hộ các căn.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi **cần phải tiết độ trong sự ăn uống**. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không có tiết độ trong sự ăn uống, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại không có tiết độ trong sự ăn uống! " Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có tiết độ trong sự ăn uống.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi **cần phải chú tâm cảnh giác**. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không chú tâm cảnh giác thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại không chú tâm cảnh giác! " Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải chú tâm cảnh giác.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi **cần phải tinh cần tinh tấn**. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi mà biếng nhác, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại biếng nhác!

" Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải tinh cần tinh tấn. Nay chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi **cần phải chánh niệm tỉnh giác**. Nay chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi mà thất niệm, thời sẽ có người nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại thất niệm! ". Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, cần phải chánh niệm tỉnh giác. Nay chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi **cần phải có Thiền định**. Nay chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi không có Thiền định, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại không có Thiền định! " Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có Thiền định.

Nay chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi **cần phải có trí tuệ**. Nay chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi chỉ có liệt tuệ, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại chỉ có liệt tuệ! " Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có trí tuệ.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập thắng pháp (abhidhamma), thắng luật (abhivinaya). Này chư Hiền, sẽ có người hỏi Tỷ-kheo sống ở rừng núi về thắng pháp, thắng luật. Nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi được hỏi về thắng pháp, thắng luật mà không thể trả lời được, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: *"Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này, được hỏi về thắng pháp thắng luật lại không có thể trả lời được!"* Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có thực tập thắng pháp, thắng luật.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp tịch tịnh giải thoát (santavimokkha), vượt khỏi các sắc pháp, và các vô sắc pháp. Này chư Hiền, sẽ có người hỏi Tỷ-kheo sống ở rừng núi về các pháp tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp, các vô sắc pháp. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi được hỏi về các pháp tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp mà không thể trả lời được, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: *"Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này được hỏi về các pháp tịch tịnh giải thoát lại không có thể trả lời được!"* Sẽ có người nói về vị

ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi **cần phải thực tập các pháp thượng nhân**. Này chư Hiền, sẽ có người hỏi Tỷ-kheo về những pháp thượng nhân. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi được hỏi về các pháp thượng nhân mà không thể trả lời được, thời có người sẽ nói về vị ấy như sau: "*Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng; hành động theo sở thích; nay Tôn giả này được hỏi về những pháp thượng nhân lại không có thể trả lời được*". Như vậy sẽ có người nói về vị ấy. Do vậy Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp thượng nhân. Khi được nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana nói với

Tôn giả Sariputta như sau:

- *Hiền giả Sariputta, các pháp này cần phải được chấp trì và thực tập chỉ bởi Tỷ-kheo sống ở rừng núi hay bởi Tỷ-kheo sống ở gần thôn làng?*
- **Hiền giả Moggallana, các pháp này cần được phải chấp trì và thực tập bởi Tỷ-kheo sống ở rừng núi, huống chi Tỷ-kheo sống gần thôn làng!**

32 Gaggarà - Tương I, 429

Gaggarà – Tương I, 429

1) Một thời Thế Tôn ở Campà, trên bờ hồ Gaggarà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư Thiên. Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng.

2) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Nay Thế Tôn trú ở Campà, trên bờ hồ Gaggarà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư Thiên. Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng".

3) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

- Bạch Thế Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

4) Thế Tôn đáp:

- Này Vangisa, hãy nói lên vấn đề ấy!

5) Rồi Tôn giả Vangisa trước mặt Thế Tôn nói lên những bài kệ thích ứng tán thán:

*Như mặt trăng giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh, không cấu uế.
Cũng vậy Ngài thật là
Đại Mâu-ni Hiền Thánh,
Danh xưng Ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.*

33 Gavampati - Tương V, 634

Gavampati – Tương V, 634

1) Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Ceti tại Sahancanika.

2) Lúc bảy giờ, một số đông Tỷ-kheo Thượng tọa sau bữa ăn, sau khi đi khát thực trở về, đang ngồi tụ họp trong ngôi nhà tròn, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai thấy Khổ, người ấy thấy Khổ tập, thấy Khổ diệt, thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt".

3) Được nghe nói vậy, Tôn giả Govampati nói với các Tỷ-kheo Thượng tọa:

-- "Tôi có tự thân nghe từ Thế Tôn, thừa chư Hiền, tự thân lãnh thọ như sau:

4) Này các Tỷ-kheo,

- "Ai thấy Khổ, người ấy cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt.
- Ai thấy Khổ tập, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt.

- Ai thấy Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt.
- Ai thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt".

34 Ghatikara - Tương I, 138

Ghatikara – Tương I, 138

1).Đứng một bên, **Thiên tử Ghatikara** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Được sanh Vô phiền thiên,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Siêu thoát đời ái trước.*

*2) Vượt bùn, họ là ai?
Khó vượt lệnh thần chết,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chur Thiên.*

*3) Họ là Upaka,
Và Phalaganda,
Với Pukkusàti,
Hợp thành là ba vị.
Lại thêm Bhaddiya,
Với Khandadeva,
Và Bāhuraggi,
Cùng với Pingiya,
Sau khi bỏ thân người,*

*Họ thoát ách chư Thiên.
(Thế Tôn):*

*4) Ông nói điều tốt lành,
Về bảy Tỷ-kheo ấy,
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương.
Pháp họ biết, của ai
Đoạn được hữu kiết sử?
(Ghatikara):*

*5) Không ai ngoài Thế Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biết pháp của Ngài,
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt không dư,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây từ nơi Ngài.
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sử trối buộc.
(Thế Tôn):*

*6) - Lời Ông nói thâm sâu,
Khó biết, khó chứng ngộ,
Pháp Ông biết của ai,
Sao Ông không nói được?*

(Ghatikara):

*7) Thuở xưa, con thợ gốm,
Tại Vehalinga,
Và con được tên gọi,
Là Ghatikara.*

*Chính con lo nuôi dưỡng
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật,
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời phiền trược.
(Thế Tôn):*

*8) Vậy này Bhaggava,
Chính như Ông vừa nói,
Thuở xưa, Ông thợ gốm,
Tại Vehalinga,
Và Ông được tên gọi,
Là Ghatikara,
Chính Ông lo nuôi dưỡng*

*Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia,
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thể vật.*

*9) Thuở xưa, Ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ,
Giữa những bạn thuở xưa,
Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tối hậu.*

35 Ghosita - Tương IV, 195

Ghosita – Tương IV, 195

1) Một thời Tôn giả Ananda trú ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Rồi gia chủ Ghosita đi đến Tôn giả Ananda...

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Ghosita thưa với Tôn giả Ananda:

-- "***Sai biệt về giới, sai biệt về giới***", thưa Tôn giả Ananda, *được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói đến sai biệt về giới?*

4) -- Nay Gia chủ, khi nào nhân giới, sắc khả ý, và nhân thức cùng khởi lên; do duyên lạc xúc khởi lên lạc thọ. Nay Gia chủ, khi nào nhân giới, sắc không khả ý, và nhân thức cùng khởi lên; do duyên khô xúc khởi lên khô thọ. Nay Gia chủ, khi nào nhân giới, sắc trú xả và nhân thức cùng khởi lên; do duyên bất khô bất lạc xúc khởi lên bất khô bất lạc thọ.

5) Nay Gia chủ, khi nào **nhĩ giới**...

6) Nay Gia chủ, khi nào **tỷ giới**...

7) Này Gia chủ, khi nào **thiệt giới**...

8) Này Gia chủ, khi nào **thân giới**...

9) Này Gia chủ, khi nào **ý giới**, pháp khả ý, và ý thức cùng khởi lên; do duyên lạc xúc khởi lên lạc thọ. Này Gia chủ, khi nào ý giới, pháp không khả ý và ý thức cùng khởi lên; do duyên khô xúc khởi lên khô thọ. Này Gia chủ, khi nào ý giới, pháp giới trú xả và ý thức cùng khởi lên; do duyên bất khô bất lạc xúc khởi lên bất khô bất lạc thọ.

10) Cho đến như vậy, này Gia chủ, Thế Tôn đã nói đến về sai biệt các giới.

36 Gia Phụ hay Say Đắm - Tương I, 442

Gia Phụ hay Say Đắm – *Tương I, 442*

1) Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bảy giờ, Tỷ-kheo ấy sống thân mật quá đáng đối với một gia đình.

3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, vì thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác vị ấy, biến hình thành gia phụ của gia đình ấy và đi đến Tỷ-kheo ấy.

4) Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tỷ-kheo ấy:

*Trên bờ sông, cửa chợ,
Tại trạm nghỉ, lộ trình,
Dân chúng thường tập hợp,
Tranh luận liên khởi lên.
Giữa ta và giữa Ông,
Có gì là sai khác?*

(Vị Tỷ-kheo):

*5) Nhiều tiếng qua tiếng lại,
Bạc khổ hạnh kham nhẫn,*

*Chớ cảm thấy bức phiền,
Chớ phát sinh nhiễm trước.*

*Ai bị tiếng rối loạn,
Như nai trong rừng rú,
Được gọi là khinh tâm,
Khó tu hành thành tựu.*

37 Gia Tộc - Tương IV, 505

Gia Tộc – Tương IV, 505

1) Một thời Thế Tôn du hành ở giữa dân tộc Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến Nàlandà. Tại đây, Thế Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvarikamba.

2) Lúc bấy giờ, Nàlandà đang bị đói kém, khó để lo miệng sống (dvihitika), xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ (sàlàkàvuttà).

3) Lúc bấy giờ Nigantha Nàtaputta sống ở Nàlandà với đại chúng Nigantha.

4) Rồi Thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của Nigantha Nàtaputta, đi đến Nigantha Nàtaputta; sau khi đến đánh lễ Nigantha Nàtaputta rồi ngồi xuống một bên.

5) Nigantha Nàtaputta nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên:

*-- Hãy đến, này Thôn trưởng, **hãy đến cất ván Sa-môn Gotama**. Như vậy, tiếng đồn tốt đẹp sẽ được lan khắp về Ông: "Sa-môn Gotama, một vị có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị thôn trưởng Asibandhakaputta cất ván!"*

-- Thừa Tôn giả, làm thế nào con có thể cất ván Sa-môn Gotama, một vị có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

6) -- Hãy đến, này Thôn trưởng, hãy đến Sa-môn Gotama; sau khi đến, nói với Sa-môn Gotama như sau:

"-- Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán từ mẫn với các gia đình"?

Này Thôn trưởng, được hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như sau:

"-- Đúng như vậy, này Thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán sự bảo vệ, tán thán lòng từ mẫn".

Thời ông hỏi Sa-môn Gotama:

"-- Vậy vì sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại Nàlandà đói kém, khó để lo miệng sống, xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy, Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành sự bất hạnh cho các gia đình, thực hành sự tổn hại cho các gia đình".

Như vậy, này Thôn trưởng, bị ông hỏi với câu hỏi có hai đầu nhọn, Sa-môn Gotama không có thể nhổ ra, cũng như không có thể nuốt xuống.

7) -- Thừa vâng, Tôn giả.

Thôn trưởng Asibandhakaputta vâng đáp Nigantha Nàtaputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Nigantha Nàtaputta, thân phía hữu hướng về người rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, thôn trưởng đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- Có phải, bạch Thế Tôn, Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán sự bảo vệ, tán thán lòng từ mẫn?

-- Đúng vậy, này Thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán sự bảo vệ, tán thán lòng từ mẫn.

-- Vậy vì sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại Nàlandà đói kém, khó để lo miệng sống, xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy, Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình,

thực hành bất hạnh cho các gia đình, thực hành tổn hại cho các gia đình.

9) -- Nay Thôn trưởng, *Ta nhớ từ chín mươi một kiếp về trước, Ta không hề biết đã có làm hại một gia đình cho đến một bữa cơm nấu cúng đường*. Các gia đình ấy đều rất giàu, tiền của nhiều, tài sản nhiều, vàng bạc nhiều, vật dụng nhiều, ngũ cốc nhiều. Tất cả tài sản ấy được thấu hoạch do bố thí, được thấu hoạch một cách chân thật, được thấu hoạch một cách tự chế.

10) Nay Thôn trưởng, có tám nhân, có tám duyên làm tổn hại các gia đình.

1. Do quốc vương, các gia đình đi đến tổn hại.
2. Hay do trộm cướp, các gia đình đi đến tổn hại.
3. Hay do lửa, các gia đình đi đến tổn hại.
4. Hay do nước, các gia đình đi đến tổn hại.
5. Hay họ tìm không được tiền của dầu cất.
6. Hay do biếng nhác, họ bỏ bê công việc.
7. Hay trong gia đình khởi lên kẻ phá hoại gia đình, người ấy phân tán, phá hoại, làm tổn hại (vikirati vidhamati viddhamseti).
8. Và vô thường là thứ tám.

Nay Thôn trưởng, chính tám nhân, tám duyên này làm tổn hại các gia đình.

11) Nay Thôn trưởng, vì rằng tám nhân này, tám duyên này có mặt, có hiện hữu, nếu ai nói về Ta như sau: "Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành bất hạnh cho các gia đình, thực hành tổn hại cho các gia đình; thời này Thôn trưởng, nếu người ấy không bỏ lời nói ấy, không bỏ tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, chắc chắn (yathàhatam) người ấy sẽ bị ném vào địa ngục như vậy.

12) Khi được nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

38 Gia Đình - Tương II, 461

Gia Đình – Tương II, 461

1) Ở Sàvatthi.

2) *Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có nhieu phụ nữ và ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm ghè nhiễu hại.*

3) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không tu tập **từ tâm giải thoát**, không làm cho sung mãn, thời vị ấy dễ bị phi nhân nhiễu hại.

4) *Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có ít phụ nữ và nhieu đàn ông, thời gia đình ấy **khó bị** các đạo tặc, trộm ghè nhiễu hại.*

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào tu tập **từ tâm giải thoát**, làm cho sung mãn, thời vị ấy rất khó bị phi nhân nhiễu hại.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "*Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện*".

Như vậy, này các Tỷ-kheo các Ông cần phải học tập.

39 Giai Cấp Sát Đế Ly - Tương I, 21

Giai Cấp Sát Đế Ly – *Tương I, 21*
Giữa các hàng hai chân,
Sát-ly là tối thắng,
Giữa các loài bốn chân,
Bò đực là tối thắng,
Trong các hàng thê thiếp,
Quý nữ là tối thắng.
Trong các hàng con trai,
Trưởng nam là tối thắng.

(Thế Tôn):

Giữa các loài hai chân,
Chánh giác là tối thắng.
Giữa các loài bốn chân,
Thuần chủng là tối thắng.
Trong các hàng thê thiếp,
Nhu thuần là tối thắng.
Trong các hàng con trai,
Trung thành là tối thắng.

40 Gian Phụ bị Lột Da - Tương II, 454

Gian Phụ bị Lột Da – *Tương II*, 454

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một **phụ nữ bị lột da** đang đi giữa hư không. Những con chim kên, những con quạ, những con chim ung đuổi theo để cắn mổ, rút xé người ấy và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

2) Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo, là **một người gian phụ** ở Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thực còn lại người đó **cảm thọ một tự ngã** như vậy.

41 Già - Tương I, 83

Già – Tương I, 83

(Vị Thiên):

Vật gì tốt đến già?

Vật gì tốt kiên trú?

Vật gì vật báu người?

Vật gì cướp khó đoạt?

(Thế Tôn):

-- **Giới** là tốt đến già,

Tín là tốt kiên trú,

Tuệ, vật báu loài Người,

Công đức, cướp khó đoạt.

42 Già - Tương V, 338

Già – Tương V, 338

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Pubbàrama, trong lâu đài của mẹ Migàra.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư đứng dậy, ngồi sưởi ấm lưng trong ánh nắng phương Tây.

3) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, với tay xoa bóp chân tay cho Thế Tôn, thưa rằng:

-- *Thật kinh hoàng thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ dị thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, màu da Thế Tôn nay không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời (sithilani), nhăn nếp, thân được thấy còm về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.*

4) -- *Sự thể là vậy, này Ananda, tánh già nằm trong tuổi trẻ, tánh bệnh ở trong sức khỏe, tánh chết ở trong sự sống. Như vậy, màu da không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời, nhăn nếp, thân*

còn về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

5) Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- Bất hạnh thay tuổi già! Đáng sợ thay cuộc sống! Tuổi già làm phai nhạt sắc diện của màu da. Hình bóng trước khả ý, nay già đã phá tan! Ai sống được trăm tuổi, cuối cùng cũng phải chết, không bỏ sót ai, tất cả bị phá sập.

43 Giàu Lớn - Tương I, 41

Giàu Lớn – Tương I, 41

Sát-đế-ly giàu lớn,
Tài sản, quốc độ lớn,
Luôn luôn ganh tỵ nhau,
Hưởng dục không biết ngán,
Giữa người sống dao động,
Trôi theo dòng tái sanh.
Ai bỏ tật và ái,
Không dao động giữa đời.

(Thế Tôn):

Vị xuất gia bỏ nhà,
Bỏ con, gia súc, thân,
Bỏ tham và bỏ sân,
Và từ bỏ vô minh,
Bậc Lậu tận, La-hán,
Không dao động giữa đời.

44 Giác - Tương V, 132

Giác – Tương V, 132 (Bodhanà)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Giác chi, giác chi*", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi?

-- **Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, nên được gọi là giác chi.**

4) Ở đây, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, cho nên được gọi là giác chi.

45 Giác Chi - Tương IV, 562

Giác Chi – Tương IV, 562

1) -- Nay các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng về pháp vô vi và con đường đưa đến vô vi** (asankhata). Hãy lắng nghe.

2) *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi?* Nay các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

3) -- *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi?* **Bảy giác chi**, nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

4) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi, Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.

5) Nay các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm đối với các Ông.

6) Nay các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, **hãy tu tập Thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau**. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

46 Giác Chi - Tương V, 465

Giác Chi – Tương V, 465

1-2) Tại Sàvatthi... Tại đây... nói như sau:

3) -- **Niệm hơi thở vô, hơi thở ra**, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

Và này các Tỷ-kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo tu tập **niệm giác chi** câu hữu với niệm **hơi thở vô, hơi thở ra**, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.
- Tu tập **trạch pháp giác chi**...;
- Tu tập **tĩnh tấn giác chi**...;
- Tu tập **hỷ** giác chi...;
- Tu tập **khinh an** giác chi...;
- Tu tập **niệm** giác chi...;
- Tu tập **định** giác chi...;

- Tu tập **xả** giác chi câu hữu với niệm hơi thở vô, hơi thở ra, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

47 Giáo Giới - Tương II, 351

Giáo Giới – Tương II, 351

1) Tại Ràajagaha, Veluvana.

2) Tôn giả Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- *Này Kassapa, hãy giáo giới Tỷ-kheo! Này Kassapa, hãy nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Này Kassapa, Ta hoặc Ông phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hoặc Ta phải nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo!*

4) - *Bạch Thế Tôn, **khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới.***

Bạch Thế Tôn, ở đây, con thầy Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha, hai vị ấy nói với nhau: "*Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ nói nhiều hơn? Ai sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ nói dài hơn?*".

5) Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

- Hãy đến, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta nói với Tỷ-kheo Bhanda, đệ tử của Ananda, và Tỷ-kheo Abhinjika, đệ tử của Anuruddha: "Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả".

6) - Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo kia; sau khi đến, nói với họ:

- Bậc Đạo Sư gọi chư Tôn giả.

7) - Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo kia vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

- Có thật chẳng, này các Tỷ-kheo, các Ông nói với nhau như sau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn? Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?"

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

9) - **Này các Tỷ-kheo, các Ông có biết là Ta đã thuyết pháp như vậy:** "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy cùng nhau nói như sau: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn? Ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn? Ai là người sẽ nói dài hơn?' chẳng?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

10) **Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông được biết là Ta không có giảng như vậy, thời vì sao, này các Người ngu kia, do biết cái gì, thấy cái gì, các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, các Ông lại nói với nhau:** "*Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?*" như vậy?

11) Rồi các Tỷ-kheo ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, **chúng con đã phạm tội, ngu đần như vậy**, si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng chúng con đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói như vậy, chúng con lại nói với nhau: "*Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?*". Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận tội lỗi ấy của chúng con là tội lỗi, để chúng con ngăn ngừa trong tương lai.

12) - Thật sự, này các Tỷ-kheo, các Ông đã phạm tội, ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy! Vì rằng các Ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói này, các Ông đã nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn? Ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn? Ai sẽ là người nói dài hơn?". **Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, các Ông đã thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối, chúng ta chấp nhận tội lỗi ấy cho các Ông!**

13) Này các Tỷ-kheo, như vậy **luật của bậc Thánh được tăng trưởng**, khi nào có người sau khi thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối để ngăn ngừa trong tương lai!

48 Giáo Giới - Tương II, 354

Giáo Giới – Tương II, 354

1) Trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm).

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

- Nay Kassapa hãy giáo giới các Tỷ-kheo! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Ta hay Ông hãy giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

4) - Bạch Thế Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới!

5) Bạch Thế Tôn, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thên đối với thiện pháp, không có biết sơ đối với thiện pháp, không có tinh tấn đối với thiện pháp, không có trí tuệ đối với thiện pháp; đối với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng!

6) Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, đường quỹ đạo nó đi tổn giảm dần.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, đối với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết **thẹn** đối với thiện pháp, không biết **sợ** đối với thiện pháp, không có tinh **tấn** đối với thiện pháp, không có trí **tuệ** đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng!

7)

- Người **không có lòng tin**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa **là tổn giảm**.
- Người **không biết thẹn**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là **tổn giảm**.
- Người **không biết sợ**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là **tổn giảm**.
- Người **lười biếng**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là **tổn giảm**.
- Người **ác trí tuệ**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là **tổn giảm**.
- Người **phần nộ**...

- Người **sân hận**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là **tôn giảm**.
- Nếu vị Tỷ-kheo **không có giáo giới**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là **tôn giảm**.

8) Với ai, bạch Thế Tôn, **có** lòng **tin** đối với thiện pháp, có biết **thẹn** đối với thiện pháp, có biết **sợ** đối với thiện pháp, có tinh **tấn** đối với thiện pháp, có trí **tuệ** đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi **sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải sự tôn giảm**.

9) Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ **sáng trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần**.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn...có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tôn giảm.

10)

- Người **có lòng tin**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa **là không tôn giảm**.

- Người **có biết then**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.
- Người **có biết sợ**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.
- Người **tinh cần**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.
- Người **có trí tuệ**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.
- Người **không phân nộ**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.
- Người **không sân hận**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.
- Có những Tỷ-kheo **giáo giới**, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.

11) **Lành thay, lành thay, này Kassapa!** Với ai, này Kassapa, không có lòng tin đối với thiện pháp... không có biết then... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay là ngày, chờ đợi là sự tổn giảm trong thiện pháp, không phải là tăng trưởng.

12) Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay là ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, quỹ đạo nó đi tổn giảm dần. Cũng vậy, này Kassapa, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết

thẹn... không có biết sợ... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

13) Người không có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Người không biết thẹn... Người không biết sợ... Người biếng nhác... Người ác trí tuệ... Người phẫn nộ... Người sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Không có Tỷ-kheo giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm.

14) Với ai, này Kassapa, có lòng tin đối với thiện pháp... có biết thẹn... có biết sợ... có tinh tấn.. có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là tổn giảm.

15) Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy, này Kassapa, ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn... có biết sợ... có tinh tấn... có trí tuệ là sự tăng trưởng đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

16) Người có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người biết thẹn... Người biết sợ... Người tinh tấn... Người có trí tuệ... Người không phần nộ... Người không sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Có Tỷ-kheo giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm.

49 Giáo Giới - Tương II, 359

Giáo Giới – Tương II, 359

1) Ở Ràjagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Kassapa đang ngồi một bên:

*- **Hãy giáo giới Tỷ-kheo, này Kassapa! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, này Kassapa! Ta hay Ông, này Kassapa, phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta, này Kassapa, hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!***

4) - ***Bạch Thế Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn, họ không kính trọng lời giáo giới.***

5) Này Kassapa, **thuở xưa** các Trưởng lão Tỷ-kheo là những vị **ở rừng** như vậy và tán thán ở rừng, là những vị đi khát thực và tán thán hạnh khát thực, là những vị mang y phần tảo và tán thán hạnh mang y phần tảo, là những vị mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, là những vị thiếu dục và tán thán hạnh

thiếu dục, là những vị tri túc và tán thán hạnh tri túc, là những vị viễn ly và tán thán hạnh viễn ly, là những vị không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, là những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

6) Ở đây, vị Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, đi khát thực và tán thán hạnh khát thực, mang y phần tảo và tán thán hạnh mang y phần tảo, mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục, sống tri túc và tán thán hạnh tri túc, sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly, sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; vị Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn học, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"*

7) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng, đi khát thực... mang y phần tảo... mang ba y... thiếu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn học,*

Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này". Các vị ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vị ấy được hạnh phúc, được an lạc trong một thời gian dài.

8) Nhưng này, này Kassapa, các Trưởng lão Tỷ-kheo không sống ở rừng và không tán thán hạnh sống ở rừng, không đi khát thực và không tán thán hạnh khát thực, không mang y phần tảo và không tán thán hạnh mang y phần tảo, không mang ba y và không tán thán hạnh mang ba y, không thiếu dục và không tán thán hạnh thiếu dục, không tri túc và không tán thán hạnh tri túc, không sống viễn ly và không tán thán hạnh viễn ly, không sống không giao thiệp và không tán thán hạnh không giao thiệp, không tinh cần và không tán thán hạnh tinh cần.

9) Ở đây, Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo ấy được các vị Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: "Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh, Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"

10) Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng

tọa, được phẩm trị bệnh; Tỷ-kheo ấy được các Trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: ‘Hãy đến Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!’”. Các vi ấy thực hành đúng như vậy và như vậy các vi ấy **không** được hạnh phúc, bị khổ đau trong thời gian dài.

Này Kassapa, ai nói một cách chơn chánh như sau: **"Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức nã bởi những áp bức của Phạm hạnh"** Nói như vậy, này Kassapa, là nói một cách chơn **chánh**. Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức nã bởi những áp bức của Phạm hạnh.

50 Gió - Tương III, 349

Gió – Tương III, 349

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, (tà) **kiến** này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà mang thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

3) -- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4) -- Do có **sắc**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi, sông không chảy, đàn bà có thai không sanh, mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

5-7) Do có **thọ**... có **tưởng**... có các **hành**...

8) Do có **thức**, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, (tà) kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ".

9) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, **sắc** là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

10-12) -- **Thọ**... **Tưởng**... Các **hành**...

13) ... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

14) -- *Cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên (tà) kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử **đã chứng được Dự lưu**, không còn bị thoái hạ, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

51 Giường Nằm - Tương V, 681

Giường Nằm – *Tương V*, 681

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các giường cao, các giường lớn. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các giường cao, các giường lớn.

5) Này các Tỷ-kheo, vì không thấy **bốn Thánh đế**.

Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

52 Giải Thoát - Tương I, 10

Giải Thoát – *Tương I, 10*

... Ở Sàvatthi. Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả, Ngài có biết giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh không?

-- Này Hiền giả, Ta có biết giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh.

-- *Thưa Tôn giả, như thế nào Ngài biết giải thoát, thoát ly, viên ly cho các chúng sanh?*

*Hỷ, tái sanh đoạn tận,
Tướng, thức được trừ diệt,
Các thọ diệt, tịch tịnh,
Như vậy này Hiền giả,
Ta biết sự giải thoát,
Thoát ly và viên ly,
Cho các loại chúng sanh.*

53 Giải Thoát - Tương III, 295

Giải Thoát – *Tương* III, 295

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Các Ông có quán **sắc**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông **cần phải như thật quán với chánh trí tuệ**: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

3-5) ... **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

6) ... các Ông có quán **thức**: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: " Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

7) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "*Ta đã được giải thoát*". Vị ấy biết rõ: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

54 Giải Thoát - Tương III, 296

Giải Thoát – *Tương* III, 296

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các Ông có quán **sắc**: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thừa có, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông **cần phải như thật quán sắc với chánh trí tuệ**: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

3-5) ... **thọ**... **tưởng**... các **hành**...

6) ... các Ông có quán **thức**: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

-- Thừa có, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: " Cái này không

phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

7) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

55 Giải Thoát - Tương IV, 574

Giải Thoát – *Tương IV, 574* (Mutti)...

1) -- **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về giải thoát, và về con đường đưa đến giải thoát. Hãy lắng nghe.**

2) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giải thoát? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si.* Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giải thoát.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến giải thoát? **Thân niệm...*** này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến giải thoát.

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về giải thoát, Ta thuyết về con đường đưa đến giải thoát.

5) Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm cho các Ông.

6) Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiên định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

56 Giảng Đường Bằng Gạch - Tương V, 524

Giảng Đường Bằng Gạch – *Tương V*, 524

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nátika, trong ngôi giảng đường bằng gạch.

2) Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlha đã mạng chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Nànda mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào?*

3) -- Tỷ-kheo Sàlha, này Ànanda, đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Tỷ-kheo-ni Nànda, này Ànanda, mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui thế giới này.

Cư sĩ Sudatta, này Ànanda, do đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau.

Nữ cư sĩ Sujàtā, này Ànanda, mạng chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4) Này Ànanda, *thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này, thời này Ànanda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai.* Này Ànanda, *vì vậy Ta sẽ giảng pháp môn Pháp kính (gương Chánh pháp) để vị Thánh đệ tử sau khi thành tựu pháp môn này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau:* "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khổi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta đã **chứng quả Dự lưu**, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

5) Này Ànanda, pháp môn Pháp kính ấy là gì mà Thánh đệ tử thành tựu pháp môn ấy, nếu muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục... Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ"?

6) Ở đây, này Ānanda,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: *"Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*.
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: *"Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu"*.
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: *"Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời"*.
- Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

7) Đây là **pháp môn Pháp kính**, này Ānanda, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử **nếu muốn, tự mình**

tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

8) (Kinh này và hai kinh sau đều cùng một nhân duyên).

Giảng Đường Bằng Gạch – Tương V, 527

1-2) ... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Asokà đã mệnh chung... Nam cư sĩ Asokà đã mệnh chung... Nữ cư sĩ Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?*

3-6) -- *Này Ānanda, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát... (như kinh trên 8, đoạn số 3 với Tỷ-kheo-ni Asokà, nam cư sĩ Asokà và nữ cư sĩ Asokà) ...*

7) Nay Ànanda, đây là pháp môn Pháp kính, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ, ta đã đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

Ngôi Nhà Bằng Gạch – Tương V, 528

1-2) ... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

-- Cư sĩ ở Nàtika tên Kakkata đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtika tên Kàlinga, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtika tên Nikata... Cư sĩ Katissaha... Cư sĩ Tuttha... Cư sĩ Santuttha... Cư sĩ Dhadda... Cư sĩ Subhadda ở Nàtika, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

3) -- Cư sĩ Kakkata, nay Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này. Cư sĩ Kàlinga, nay Ànanda... Cư sĩ Nikata, nay

Ànanda... Cư sĩ Katissaha, này Ànanda... Cư sĩ Tuttha, này Ànanda... Cư sĩ Santuttha, này Ànanda... Cư sĩ Bhadda, này Ànanda... Cư sĩ Subhadda, này Ànanda, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Tất cả đều cùng một sanh thú.

4) Hơn năm mươi cư sĩ ở Nàtika, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa.

Hơn chín mươi nam cư sĩ ở Nàtika, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm cho muối lược tham, sân, là bậc Nhứt Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau.

Năm trăm lẻ sáu nam cư sĩ ở Sàkata, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn thoái đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5-7) Này Ànanda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung, Ông lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này; thời này Ànanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai... (xem trên 9, đoạn số 4,5,6,7) ... quyết chắc chứng quả giác ngộ.

57 Giới - Tương II, 245

Giới – Tương II, 245

1) Trú ở Sàvatthi.

2) **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông giới sai biệt. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.**

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau: *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

4)

- **Nhãn** giới, **sắc** giới, **nhãn thức** giới;
- **Nhĩ** giới, **thanh** giới, **nhĩ thức** giới;
- **Tỷ** giới, **hương** giới, **tỷ thức** giới;
- **Thiệt** giới, **vị** giới, **thiệt thức** giới;
- **Thân** giới, **xúc** giới, **thân thức** giới;
- **Ý** giới, **pháp** giới, **ý thức** giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

58 Giới - Tương II, 251

Giới – Tương II, 251

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **giới sai biệt**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng...

3) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới.

4) Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

59 Giới - Tương II, 434

Giới – Tương II, 434

1) Tại Sàvatthi.

2) Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? **Địa giới** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

3-7) **Thủy giới... Hỏa giới... Phong giới... Thức giới** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng, khi xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

8-9) Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán địa giới, nhàm chán thủy giới,

nhàm chán hỏa giới, nhàm chán phong giới, nhàm chán không giới, nhàm chán thức giới.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những gì nên làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

60 Giới - Tương V, 106

Giới – Tương V, 106

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào cụ túc giới, cụ túc định, cụ túc tuê, cụ túc giải thoát, cụ túc giải thoát tri kiến, Ta nói rằng ai thấy các Tỷ-kheo ấy thì có rất nhiều lợi ích.

3) Này các Tỷ-kheo,

- Ai nghe các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai yết kiến các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai thân cận các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai nhớ nghĩ đến các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai tùy thuận các Tỷ-kheo ấy xuất gia, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.

4) Vì sao? Này các Tỷ-kheo, khi nghe pháp từ các Tỷ-kheo như vậy, vị nào sống viễn ly (vupakattho), được hai sự **viễn ly**: *Viễn ly về thân và viễn ly về tâm*.

Vị sống viễn ly như vậy thì sẽ tùy niệm (anussarati) pháp ấy, tùy tâm pháp ấy.

5) Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống viễn ly như vậy, tùy niệm, tùy tâm pháp ấy; trong lúc ấy, **niệm giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, niệm giác chi đi đến viên mãn.

Vị ấy trú với chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán sát pháp ấy.

6) Trong khi, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và đi đến quán sát pháp ấy; trong khi ấy, nay các Tỷ-kheo, trạch pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn.

Trong khi *vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh **tần**, không thụ động (asallinam) bắt đầu phát khởi nơi vị ấy.*

7) Trong khi, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời

tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn.

*Với vị tinh cần, tinh tấn, **hỷ** không liên hệ đến vật chất (piti niràmisa) khởi lên.*

8) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; trong khi ấy, **hỷ giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn.

*Với vị có ý hoan hỷ, thân được **khinh an**, tâm được khinh an.*

9) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an; trong khi ấy, **khinh an giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn.

Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh.

10) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, **định giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập định giác chi; trong khi ấy, định giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn (sự vật) (sàdhukam ajjupekkhità).

11) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh, khéo trú xả nhìn (sự vật) như vậy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, **xả giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; trong khi ấy, xả giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

12) *Này các Tỷ-kheo, **bảy giác chi** được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, thời bảy quả, bảy lợi ích được chờ đợi.*

Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

13) Ngay trong hiện tại, lập tức (patihacca) thành tựu được chánh trí;

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí.

14) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chúng được Trung gian Bát-niết-bàn (antaràparinibbàyi).

15) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chúng được Trung gian bát Niết-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chúng được Tồn hại (upahacca) Bát-niết-bàn.

16) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không chúng được chánh trí; nếu khi lâm chung, không chúng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chúng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chúng được Tồn hại Bát-niết-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chúng được Vô hành Bát-niết-bàn (asankhàraparinibbàyi)

17) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn diệt được năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-hàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Hữu hành Bát-niết-bàn**.

18) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại bát Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là bậc thượng lưu (uddhamsoto), đạt được **Sắc cứu cánh thiên**.

19) Nay các Tỷ-kheo, do tu tập bảy giác chi như vậy, do làm cho sung mãn như vậy nên được chờ đợi bảy quả này, bảy lợi ích này.

61 Giới - Tương V, 268

Giới – Tương V, 268

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda và Tôn giả Bhadda trú ở Pàtaliputta, ở khu vườn Kukkuta.

2) Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ananda:

3) -- *Này Hiền giả Ananda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này vì mục đích gì được Thế Tôn nói đến?*

-- Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện là trí tuệ (ummagga) của Hiền giả, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện là biện tài (patibhānam) của Hiền giả! Chí thiện là câu hỏi của Hiền giả! Này Hiền giả Bhadda, có phải như vậy là câu hỏi của Hiền giả: "*Này Hiền giả Ananda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này, vì mục đích gì được Thế Tôn nói đến?*" Chẳng?

-- Thừa vâng, Hiền giả.

4) -- Nay Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này, chính do tu tập Bốn niệm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, nay Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Nay Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này, chính do tu tập bốn niệm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói.

62 Giữa Trưa Hay Tiếng Động - Tương I, 447

Giữa Trưa Hay Tiếng Động – *Tương I*, 447

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Rồi một **vị Thiên** trú ở khu rừng ấy đi đến Tỷ-kheo.
- 3) Sau khi đến, nói lên những bài kệ này trước mặt Tỷ-kheo:

*Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng,
Rừng lớn vang tiếng động,
Khiến ta run, hoảng sợ.*

(Vị Tỷ-kheo):

*4) Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng,
Rừng lớn vang tiếng động,
Hoan hỷ đến với ta.*

63 Godatta - Tương IV, 464

Godatta – Tương IV, 464

- 1) Một thời Tôn giả Godatta trú ở Macchikàsanda, tại Ambàtavana.
- 2) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Godatta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Godatta rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Tôn giả Godatta nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

-- *Này Gia chủ, vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát, vô tướng tâm giải thoát, những pháp này là khác ngôn từ, hay đồng nghĩa chỉ khác ngôn từ?*

-- Bạch Thượng tọa, **có** pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này khác nghĩa, khác ngôn từ. Bạch Thượng tọa, cũng **có** pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ.

- 4) -- Nhưng, này Gia chủ, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ?
- 5) -- Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với **từ**; cũng vậy,

phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với **bi**... với tâm câu hữu với **hỷ**... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với **xả**; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô lượng tâm giải thoát.

6) *Và bạch Thượng tọa, như thế nào là **vô sở hữu tâm giải thoát**?*

Ở đây, Tỷ-kheo vượt lên Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô sở hữu tâm giải thoát.

7) *Và bạch Thượng tọa, thế nào là **không tâm giải thoát**?*

Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo đi đến rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống và suy tư:

"Cái này là trống không tự ngã hay ngã sở hữu".
Bạch Thượng tọa, đây gọi là không tâm giải thoát.

8) *Và bạch Thượng tọa, thế nào là **vô tướng tâm giải thoát**?*

Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chúng và trú Vô tướng tâm định. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô tướng tâm giải thoát.

9) Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ.

10) *Và bạch Thượng tọa, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?*

11) **Tham dục (ràga) làm sự đo lường, sân** làm sự đo lường, **si** làm sự đo lường. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các **vô lượng tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát** được xem là **tối thượng.** Nhưng bất động tâm giải thoát này **trống không, không có tham;** trống không, không có sân; trống không, không có si.

12) **Tham** **dục** là một **chương ngại**, **sân** là một **chương ngại**, **si** là một **chương ngại**. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các **vô sở hữu tâm giải thoát**, **bất động tâm giải thoát** được xem là tối thượng. Nhưng bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

13) **Tham** **dục** **tác** thành **tướng**, **sân** **tác** thành **tướng**, **si** **tác** thành **tướng**. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt đứt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các **vô tướng tâm giải thoát**, **bất động tâm giải thoát** được xem là tối thượng. Nhưng bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

14) Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, do pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa chỉ khác ngôn từ.

64 Godhika - Tương I, 267

Godhika – Tương I, 267

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika trú ở sườn núi Isigili, tại Kàlasilà.

3) Rồi **Tôn giả Godhika** sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhất thời tâm giải thoát. Rồi Tôn giả Godhika **lại thối thất** nhất thời tâm giải thoát ấy.

4) Lần thứ hai, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần và chứng được nhất thời tâm giải thoát. Và lần thứ hai, Tôn giả Godhika lại thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy.

5) Lần thứ ba, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

6) Lần thứ tư, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

7) Lần thứ năm, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

8) Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhất thời tâm giải thoát. Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika cũng thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy.

9) *Lần thứ bảy, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, **chứng được** nhất thời tâm giải thoát.*

10) *Rồi Tôn giả Godhika suy nghĩ: "Cho đến lần thứ sáu, ta bị thối thất nhất thời tâm giải thoát. **Vậy nay ta hãy đem lại con dao**".*

11) Rồi **Ác ma** biết được tâm tư của Tôn giả Godhika, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Ôi, bậc Đại Anh hùng!
Ôi, bậc Đại Trí tuệ!
Ngài chói sáng hào quang,
Thần lực và danh xưng.
Ngài vượt qua tất cả,
Mọi sân hận hãi hùng.
Con chân thành đánh lễ,
Dưới chân bậc Pháp nhãn.*

*Ôi, bậc Đại Anh hùng!
Bậc Chinh phục tử thần!
Đệ tử Ngài muốn chết,
Đang suy nghĩ đến chết.
Ôi, bậc Chối Hào quang!
Hãy ngăn chặn vị ấy.
Làm sao, bậc Thế Tôn,
Vị đệ tử của Ngài,
Hoan hỷ trong giáo lý,
Lại không chứng hữu học,
Còn muốn đoạt mạng sống?
Ôi, danh vọng thế gian!*

12) Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

13) Rồi Thế Tôn được biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Như vậy là sở hành,
Của bậc Đại Anh hùng,
Không còn nuôi ước vọng
Tạo thêm dòng sinh mạng,
Đoạn tận ái, ái căn,
Godhika nhập diệt.*

14) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến sườn núi Isigili, Kàlasilà, tại chỗ thiện nam tử Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

15) - Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

16) Rồi Thế Tôn cùng với một số đông Tỷ-kheo đi đến sườn núi Isigili, Kàlasilà, và Thế Tôn thấy từ đằng xa, Tôn giả Godhika đang nằm trên giường, với hai vai mở rộng (bị thương hay co quắp lại).

17) Lúc bấy giờ **một làn khói đen tối đi về phía Đông**, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới.

18) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy làn khói đen tối ấy đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới không?

- Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy như vậy.

19) Nay các Tỷ-kheo, **đó là Ác ma đang đi theo dõi thức của thiện nam tử Godhika: "Thức của thiện nam tử Godhika được an trú ở đâu?".** Và nay các Tỷ-kheo,

thiện nam tử Godhika đã nhập diệt, với thức không an trú ở đâu cả.

20) Rồi **Ác ma** tay cầm đèn thất huyền cầm màu **vàng**, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên bài kệ:

*Trên, dưới và bề ngang,
Bốn phương, các phương giữa,
Ta tìm, nhưng không gặp,
Godhika đi đâu.*

(Thế Tôn):

*21) **Vị Anh hùng kiên chí,**
Thường Thiền lạc, Thiền tư,
Ngày đêm đầy nhiệt tình,
Nhưng sự sống, không tham,
Chiến thắng quân thần chết,
Tái sanh không đi đến,
Chinh phục ái, ái căn,
Godhika nhập diệt.*

*22) Còn kẻ bị sâu muộn,
Từ nách rơi huyền cầm,
Dạ-xoa bị thất vọng,
Liên biến mất tại chỗ.*

65 Godhà hay Mahànàma - Tương V, 543

Godhà hay Mahànàma – *Tương V*, 543

1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến họ Thích Godhà; sau khi đến, nói với họ Thích Godhà:

3) -- *Này **Godhà**, theo như Hiền giả biết một người là bậc Dự lưu, thành tựu bao nhiêu pháp thời không bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?*

-- Này Mahànàma, theo như tôi biết một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4) Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn"... đối với **Pháp**... đối với chúng **Tăng**... là vô thượng phước điền ở đời. Này Mahànàma, do thành tựu ba pháp này, tôi được biết một người là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5) *Nhưng này **Mahànàma**, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp*

thời không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?

-- Nay Gohdà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu **thành tựu bốn pháp** thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godhà, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn"... đối với **Pháp**... đối với **Tăng**... thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định. Nay Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp này thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

6) -- **Hãy chờ một lát, này Mahànàma, hãy chờ một lát, này Mahànàma. Thế Tôn biết rõ việc này, thành tựu hay không thành tựu những pháp này. Nay Godhà, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn và sau khi đến, hãy hỏi về ý nghĩa này.**

7) Rồi họ Thích Mahànàma và họ Thích Godhà đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

8) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi đến họ Thích Godhà; sau khi đến, nói với họ Thích Godhà:

"-- Này Godhà, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

Được nói vậy, bạch Thế Tôn, họ Thích Godhà nói với con:

"--Này Mahànàma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp... giác ngộ. Thế nào là ba? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn'... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Này Mahànàma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp này thời không còn bị thối đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Còn này Mahànàma theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

9) Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với họ Thích Godhà

"-- Này Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godhà, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn'... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Này Godhà, theo như tôi

biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ".

Được nghe nói vậy, bậc Thế Tôn, họ Thích Gotthà, nói với con:

"-- Hãy chờ một lát, này Mahànàma, hãy chờ một lát, này Mahànàma. Thế Tôn sẽ biết rõ việc này, là thành tựu hay không thành tựu những pháp này".

10) Ở đây, bậc Thế Tôn, ***nếu nói vấn đề pháp sự khởi lên*** (*dhamma samuppàda*), và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo. ***Bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo***. Vì bậc Thế Tôn, đó là tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận.

11) Ở đây, bậc Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo và chúng Tỷ-kheo-ni. Bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo. Vì bậc Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

12) Ở đây, bậc Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni và nam cư sĩ. Bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

13) Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, và nữ cư sĩ. Bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

14) Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chúng Thiên giới, chúng Ma giới, chúng Phạm thiên giới, quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thế Tôn, đó là tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận.

15) -- *Họ Thích Mahànàma đã nói như vậy, này Godhà, Ông có nói gì không?*

-- Họ Thích Mahànàma đã nói như vậy, con không có nói gì trừ lời nói "**Thiện**", trừ lời nói "**Tốt**".

66 Gotamì - Tương I, 286

Gotamì – Tương I, 286

1) Nhân duyên ở Sàvatthi. **Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì**, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực.

2) Khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

3) Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ Thiên định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì; sau khi đi đến, liền nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì:

*Sao nàng như mất con,
Một mình, mặt ứa lệ.
Hay một mình vào rừng,
Để tìm đàn ông nào?*

4) Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

5) Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ Thiên định nên đã nói lên bài kệ đó".

6) Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Con hại, đã qua rồi,
Đàn ông đã chấm dứt,
Ta không sầu, không khóc,
Ta sợ gì các Ông?
Khắp nơi hỷ, ái đoạn,
Khởi mê ám nát tan,
Chiến thắng quân thần chết,
Vô lậu, ta an trú.*

7) Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Kisà Gotamì đã biết ta" nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

67 GÒ MÔI - 23 Trung I, 323

KINH GÒ MÔI (Vammika sutta)

– Bài kinh số 23 – *Trung I*, 323

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Kumarakassapa trú tại Andhavana. Rồi một vị Thiên, đêm đã gần tàn, với hào quang rực rỡ chiếu sáng toàn thể Andhavana, đến chỗ Tôn giả Kumarakassapa ở, sau khi đến, bèn đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị Thiên ấy nói với Tôn giả Kumarakassapa:

- "Tỷ-kheo, Tỷ-kheo! Gò mối này ban đêm phun khói, ban ngày chiếu sáng. Một Bà-la-môn nói như sau: **"Này kẻ trí, hãy cầm gương và đào lên"**.

- Người có trí cầm gương đào lên, thấy một then cửa: "Thưa Tôn giả, một then cửa". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy then cửa lên, cầm gương đào thêm".

- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con nhái: "Thưa Tôn giả, một con nhái". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy đem **con nhái** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con đường hai ngã: "Thưa Tôn giả, một con đường hai ngã". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí hãy lấy **con đường hai ngã** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một đồ lọc sữa: "Thưa Tôn giả, một đồ lọc sữa". Vị Bà-la-môn nói: "Hãy lấy **đồ lọc sữa** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một **con rùa**: "Thưa Tôn giả, một con rùa". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy con rùa lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một con dao phay: "Thưa Tôn giả, một con dao phay". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy **con dao phay** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một miếng thịt: "Thưa Tôn giả một miếng thịt". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy **miếng thịt** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con rắn

hồ: "Thưa Tôn giả, con rắn hồ". Vị Bà-la-môn nói: "Hãy để con rắn hồ yên, chớ đừng chạm con rắn hồ, hãy đánh lễ con rắn hồ".

Này Tỷ-kheo, hãy đến chỗ Thế Tôn ở và hỏi những câu hỏi ấy. Thế Tôn trả lời Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, Ta không thấy ai trên cõi đời, với chư Thiên, các Ma vương, với Phạm thiên, các chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người có thể hướng tâm để trả lời những câu hỏi ấy, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai hay những ai đã được nghe hai vị này". Vị thiên ấy nói như vậy. Sau khi nói xong như vậy, vị ấy biến mất ở nơi đây.

Rồi Tôn giả Kumarakassapa, sau khi đêm ấy đã mãn, đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Kumarakassapa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm nay, một vị Thiên, đêm đã gần tàn, với hào quang rực rỡ chiếu sáng toàn thể Andhavana, đến chỗ con ở, sau khi đến liền đứng một bên. Khi đứng một bên, vị Thiên ấy nói với con: "Tỷ-kheo, Tỷ-kheo! Gò mỗi này, ban đêm phun khói, ban ngày chiếu sáng. Một vị Bà-la-môn nói như sau: "Này kẻ trí, hãy cầm gươm đào lên". Người có

trí cầm gương, đào lên thấy một then cửa... (như trên)... đệ tử Như Lai hay những ai đã được nghe hai vị này". Bạch Thế Tôn, vị Thiên ấy nói như vậy, nói xong liền biến mất tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, gò mồi là gì, cái gì phun khói ban đêm, cái gì chiếu sáng ban ngày, ai là Bà-la-môn, ai là người có trí, cái gì là cây gương, cái gì là đào lên, cái gì là then cửa, cái gì là con nhái, cái gì là con đường hai ngã, cái gì là đồ lọc sữa, cái gì là con rùa, cái gì là con dao phay, cái gì là miếng thịt, cái gì là con rắn hổ?

- Nay Tỷ-kheo, gò mồi là đồng nghĩa với cái thân do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt.
- Nay Tỷ-kheo, cái gì thuộc về công việc ban ngày, ban đêm suy tầm, suy nghĩ, như vậy là ban đêm phun khói.
- Nay Tỷ-kheo, cái gì sau khi suy tầm, suy tư ban đêm, ban ngày đem ra thực hành, về thân, về lời nói, về ý, như vậy là ban ngày chói sáng.
- Nay Tỷ-kheo, Bà-la-môn là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Nay Tỷ-kheo, người có trí là đồng nghĩa với Tỷ-kheo hữu học.

- Nay Tỳ-kheo, cái gươm là đồng nghĩa với trí tuệ của bậc Thánh.
- Nay Tỳ-kheo, đào lên là đồng nghĩa với tinh tấn, tinh cần.
- Nay Tỳ-kheo, cái then cửa là đồng nghĩa với vô minh; đem then cửa lên là từ bỏ vô minh; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỳ-kheo, con nhái là đồng nghĩa với phần nô hiềm hận; đem con nhái lên là từ bỏ phần nô hiềm hận; này kẻ có trí cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỳ-kheo, con đường hai ngã là đồng nghĩa với nghi hoặc; đem con đường hai ngã lên là từ bỏ nghi hoặc; này kẻ có trí cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỳ-kheo, đồ lọc sữa là đồng nghĩa với năm triền cái: dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo cử hối quá triền cái, nghi hoặc triền cái; đem bỏ đồ lọc sữa lên là từ bỏ năm triền cái; này kẻ có trí cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỳ-kheo, con rùa là đồng nghĩa với năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn; đem con rùa lên là từ bỏ năm thủ uẩn; này kẻ có trí cầm

gươm đào lên là ý nghĩa này.

- Nay Tỷ-kheo, **con dao phay là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng**, tức là các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục hấp dẫn; lấy con dao phay lên là **từ bỏ năm dục trưởng dưỡng**; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **miếng thịt là đồng nghĩa với hỷ tham**; lấy miếng thịt lên là **từ bỏ hỷ tham**; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **con rắn hổ là đồng nghĩa với vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc**; hãy để con rắn hô yên, chớ đụng chạm con rắn hổ, hãy đánh lễ con rắn hổ, là ý nghĩa này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

68 Gà Heo - Tương V, 683

Gà Heo – Tương V, 683

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhân gà, heo. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhân gà và heo.

5) Này các Tỷ-kheo, vì không thấy **bốn Thánh đế**.

Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

69 Gánh Nặng - Tương III, 53

Gánh Nặng – *Tương* III, 53

1-2) Ở Sàvatthi...

3) **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về gánh nặng, mang gánh nặng lên, đặt gánh nặng xuống. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.**

4) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn* là câu trả lời.

Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là gánh nặng.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ mang gánh nặng?*

Người, là câu trả lời. Vị Tôn giả này có tên như thế này, dòng họ như thế này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ mang gánh nặng!

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mang gánh nặng lên?*

Chính là **tham ái** này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, đi tìm hỷ lạc chỗ này, chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là mang gánh nặng lên.

7) Đây các Tỷ-kheo, thế nào là đặt gánh nặng xuống?

Đây là sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn, sự từ bỏ, sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là đặt gánh nặng xuống.

8) Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Năm uẩn là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là người;
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời.
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc (không khổ),
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác.
Nếu nhớ khát ái lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đói và khát,
Được giải thoát tịnh lạc!*

70 Giới Hạnh 2 - Tương V, 51

Gới Hạnh 2 – Tương V, 51

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, **cái đi trước và điềm báo trước Thánh đạo Tám ngành** sanh khởi chính là sự **thành tựu giới hạnh**.

3) Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thời chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ**... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Ước Muốn 1 (Chanda) – 52tu5

1-2) ... **Tức là sự đầy đủ ước muốn** (chanda-sampadà) ... (như kinh trên, với những thay đổi cần thiết).

Ngã, Kiến, Không Phóng Dật. (1) – 52tu5

(Đầy đủ **ngã**... đầy đủ **kiến**... đầy đủ **không phóng dật**, với những thay đổi cần thiết)...

71 GÂY THỨC NGỰA - Tăng II, 31

GÂY THỨC NGỰA – Tăng II, 31

1. - Có bốn loài ngựa hiền thiện thuần thực này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thức ngựa liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loại ngựa hiền thiện thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa hiền thiện thuần thực thứ nhất, có mặt, hiện hữu ở đời.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thức ngựa, không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị gây thức ngựa đâm vào lông, nó liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực thứ hai, có mặt, hiện hữu ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa, không bị dao động, kích thích. Khi bị gây thúc ngựa đâm vào lông, nó không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gây thúc ngựa đâm vào thịt, liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực thứ ba, có mặt, hiện hữu ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào lông, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào thịt, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào xương, bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực thứ tư, có mặt, hiện hữu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loài ngựa hiền thiện, thuần thực, có mặt, hiện hữu ở đời.

5. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người hiền thiện, thuần thực này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thực nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mạng chung; người ấy do vậy bị dao động, kích thích.

- Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần.
- Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được tối thắng sự thật; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.
- *Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện, thuần thực ấy, thấy bóng cây gây thúc ngựa, bị dao động kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thực thứ nhất có mặt, hiện hữu ở đời.*

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện thuần thực, không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị đau khổ hay bị mệnh chung, nhưng khi tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay

mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thực ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thực thứ hai có mặt, hiện hữu ở đời.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện, thuần thực không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung. Nhưng, khi có một người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thực ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào thịt, bị

dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thực thứ ba có mặt, hiện hữu ở đời.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện thuần thực không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay bị mệnh chung, không có người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung. Nhưng khi tự mình cảm xúc những cảm thọ về thân khổ đau, nhói đau, chói đau, mãnh liệt, kích liệt, không phải khả hỷ, không khả ý, doat mang sống, vì ấy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vì ấy như lý tình cần. Do tình cần, với thân, vì ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vì ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thực ấy, khi bị dây gậy thúc ngựa đâm vào xương mới bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện thuần thực. Này các Tỷ-kheo, đây là

hạng người hiền thiện thuần thực thứ tư có mặt, hiện hữu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người hiền thiện thuần thực này có mặt, hiện hữu ở đời.

72 GẮN LIỀN CỘT CHẶT - Tăng II, 113

GẮN LIỀN CỘT CHẶT – *Tăng II, 113*

1. Một thời, Tôn giả Ànanda sống ở Kosàmbi, tại khu vườn Ghosita. Tại đây, Tôn giả Ànanda gọi các Tỷ-kheo:

- Thừa các Hiền giả Tỷ-kheo.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả. Tôn giả Ànanda nói như sau:

- Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này. Thế nào là bốn?

2. Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo **tu tập quán, có chỉ đi trước**; do vị ấy tu tập quán có chỉ đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

3. Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo **tu tập chỉ, có quán đi trước**. Do vị ấy tu tập chỉ có quán đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

4. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo **tu tập cả hai chỉ quán gắn liền với nhau**. Do vị ấy tu tập cả hai chỉ quán gắn liền với nhau, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

5. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo với **các dao động với các pháp được hoàn toàn dứt sạch**. Này các Hiền giả, đây là thời khi tâm của vị ấy an trú, an tọa, nhất tâm, định tĩnh. Với vị ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này.

73 GÓC RỄ CỦA ĐẤU TRANH - Tăng III, 88

GÓC RỄ CỦA ĐẤU TRANH – Tăng III, 88

1. - Có sáu góc rễ đấu tranh này, này các Tỷ-kheo.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo phần nộ và hiềm hận.

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo phần nộ, hiềm hận. Này các Tỷ-kheo, ai phần nộ, hiềm hận, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, sống không cung kính, không tùy thuận Pháp, sống không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các Học pháp.

- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các Học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng.
- Tranh luận như vậy khiến nhiều người không hạnh phúc, khiến nhiều người không an lạc, khiến nhiều người không lợi ích, khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc và đau khổ.

- ➔ Này các Tỷ-kheo, nếu các Thầy thấy ác tránh căn ấy giữa các Thầy hay ngoài các Thầy, này các Tỷ-kheo, các Thầy phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy.
- ➔ Này các Tỷ-kheo, nếu các Thầy không thấy ác tránh căn ấy giữa các Thầy hay ngoài các Thầy, này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy tác động dừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là đoạn tận ác tránh căn ấy. Như vậy là ngăn chặn nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

3. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, vị Tỷ-kheo giả dối và não hại... tật đố và xan tham... lừa đảo và man trá... ác dục và tà kiến... chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ.

- Này các Hiền giả, Tỷ-kheo chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ rất khó rời bỏ, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các Học pháp. Này các Hiền giả, Tỷ-kheo không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư... Pháp... Tăng... không thành tựu đầy đủ các Học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng.
- Tranh luận như vậy khiến nhiều người không hạnh phúc, khiến nhiều người không an lạc, khiến

những người không ích lợi, khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc và đau khổ.

- Nay các Tỷ-kheo, nếu các Thầy thấy được ác tránh căn ấy giữa các Thầy hay ngoài các Thầy, các Thầy phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy.
- Nay các Tỷ-kheo, nếu các Thầy không thấy ác tránh căn ấy giữa các Thầy hay ngoài các Thầy, các Thầy hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là sự đoạn tận ác tránh căn ấy. Như vậy là ngăn chặn ngay hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

Nay các Tỷ-kheo, đây là sáu tránh căn.

74 Gốc - Tương II, 417

Gốc – Tương II, 417

1) Sàvatthi.

2) - **Khổ lụy**, này các Tỷ-kheo, là *lợi đắc, cung kính, danh vọng*, thật là đăng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

3) **Bị** lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối, **tâm** bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, thiện căn của Devadatta bị cắt đứt.

5) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng, thật là đăng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

75 Gốc Rễ - Tương V, 67

Gốc Rễ – Tương V, 67

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại rễ hương nào, loại chiêm-đàn đen (kàlànu-sàriyam) được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định

liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.